

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2018-2019

STT	MÔN	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	PGDDT	GIẢI
1	Toán	Phạm Hoàng	Son	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
2	Toán	Đậu An	Nhi	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHẤT
3	Toán	Nguyễn Quang	Phú	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
4	Toán	Nguyễn Minh	Khoa	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHẤT
5	Toán	Nguyễn Tuấn	Phong	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
6	Toán	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
7	Toán	Lê Tự Nguyên	Hào	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
8	Toán	Nguyễn Thế	Vinh	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
9	Toán	Trần Đức Trí	Cường	9/6	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	NHẤT
10	Toán	Nguyễn Tiến	Khải	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHẤT
11	Toán	Phạm Trần Đăng	Khoa	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
12	Toán	Thái Nguyễn Đăng	Khoa	9A7	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	NHẤT
13	Toán	NGUYỄN MINH	KHÔI	9.3	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	NHẤT
14	Toán	Đoàn Đặng Phương	Nam	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	NHẤT
15	Toán	Huỳnh Tấn	Dũng	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	NHẤT
16	Toán	Nguyễn Minh	Bảo	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHẤT
17	Toán	Nguyễn Anh	Kiệt	9A1	THCS Lý Phong	QUẬN 5	NHẤT
18	Toán	Lê Quang	Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	NHẤT
19	Toán	Huỳnh Thanh	Tâm	9/2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	NHẤT
20	Toán	Nguyễn Khánh	Yên	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
21	Toán	Nguyễn Anh	Đức	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
22	Toán	Nguyễn Quang	Duy	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
23	Toán	Nguyễn Quốc Tuấn	Lâm	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	NHẤT
24	Toán	Lê Quang	Liêm	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
25	Toán	Hoàng Túy	Minh	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
26	Toán	Nguyễn Tuấn	Minh	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
27	Toán	Nghiêm Phạm Vy	Nghi	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
28	Toán	VÕ NGÔ ĐỨC	TOÀN	9.B6	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 10	NHẤT
29	Toán	Lê Tuyết	Minh	9A6	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	NHẤT
30	Toán	Lê Đình	Nguyên	9/5	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHẤT
31	Toán	Lê Đỗ Minh	Anh	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHÌ
32	Toán	Nguyễn Thế	Phương	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	NHÌ
33	Toán	Phạm Minh	Tâm	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
34	Toán	Đặng Ngọc Bảo	Trâm	9/1	THCS Thị Trấn	CỦ CHI	NHÌ
35	Toán	Huỳnh Xuân	Vỹ	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	NHÌ
36	Toán	Trần Phương	Anh	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
37	Toán	Đặng Quốc	Bảo	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	NHÌ
38	Toán	Lê Hùng Việt	Bảo	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
39	Toán	Võ Minh	Chương	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
40	Toán	Nguyễn Võ	Di	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
41	Toán	Lê Bảo	Ngọc	9/1	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	NHÌ
42	Toán	Lã Trọng Thiên	Việt	9-1	THCS Lê lợi	QUẬN 3	NHÌ
43	Toán	Đinh Nguyễn Gia	Bảo	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	NHÌ
44	Toán	Vũ Minh	Chiến	9A10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHÌ
45	Toán	Nguyễn Hoàng	Danh	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
46	Toán	Vũ Đức	Duy	9A2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHÌ
47	Toán	Nguyễn Phi	Khoa	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
48	Toán	Ngô Huỳnh Gia	Kiệt	9A2	THPT Nam Sài Gòn	QUẬN 7	NHÌ
49	Toán	Nguyễn Tấn Bảo	Lễ	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
50	Toán	Nguyễn Hoài	Nam	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
51	Toán	Vũ Thái	Phúc	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
52	Toán	Lê Cao Nhất	Phương	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
53	Toán	Trần Minh	Son	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
54	Toán	Nguyễn Tam	Thông	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
55	Toán	Huỳnh Ngọc	Trâm	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHÌ
56	Toán	Khương	Duy	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ

57	Toán	Lê Nguyễn Minh	Hiếu	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
58	Toán	Nguyễn Phước Ngọc	Hương	9A1	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	NHÌ
59	Toán	Phạm Bá Nhật	Khang	9.1	THCS Bình An	QUẬN 2	NHÌ
60	Toán	Lê Trần Khánh	Linh	9A1	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	NHÌ
61	Toán	Lê Dương Tấn	Minh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
62	Toán	Nguyễn Hoàng Phúc	Nguyên	9a1	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	NHÌ
63	Toán	Hồng Minh	Nhật	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
64	Toán	Quản Mai Hoàng	Phúc	9A2	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	NHÌ
65	Toán	Nguyễn Minh	Thành	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
66	Toán	Nguyễn Công Nam	Anh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	NHÌ
67	Toán	Nguyễn Đức Nam	Anh	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
68	Toán	Trần Di	Bảo	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
69	Toán	Lý Thành	Đạt	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	NHÌ
70	Toán	Nguyễn Trần Hữu	Đức	9A2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	NHÌ
71	Toán	ĐINH TRẦN HOÀNG	MINH	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	NHÌ
72	Toán	Đinh Nguyễn Phương	Nghi	9A1	THCS - THPT Đức Trí	PHÚ NHUẬN	NHÌ
73	Toán	Lê Hồng	Phương	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
74	Toán	Hà Trọng	Thanh	9/4	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHÌ
75	Toán	Trần Công	Thịnh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	NHÌ
76	Toán	Nguyễn Lê	Tiến	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
77	Toán	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
78	Toán	Nguyễn Đức	Trí	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	NHÌ
79	Toán	Lê Đại	Việt	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
80	Toán	Bùi Thái	Bảo	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
81	Toán	Lê Hoàng	Đạt	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHÌ
82	Toán	Lê Thị Quỳnh	Hoa	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	NHÌ
83	Toán	Trương Minh	Khang	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	NHÌ
84	Toán	Lưu Lê Anh	Khôi	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
85	Toán	Ngô Huỳnh Nhã	Linh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
86	Toán	PHAN ĐÌNH KHÔI	Nguyên	9.1	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	NHÌ
87	Toán	Lê Nguyễn Yến	Nhi	9.1	THCS Trần Quốc Toản	BÌNH TÂN	NHÌ
88	Toán	Phạm Lê	Nam	9/9	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	NHÌ
89	Toán	HUỲNH LÊ	Quang	9.1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	NHÌ
90	Toán	Nguyễn Hoàng	Tú	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHÌ
91	Toán	Hoàng Nguyệt	Tuyền	9A1	THCS - THPT Đức Trí	PHÚ NHUẬN	NHÌ
92	Toán	Lâm	Vũ	9A10	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHÌ
93	Toán	NGUYỄN LÊ NHẬT	VY	95	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	NHÌ
94	Toán	Ngô Minh	Ý	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHÌ
95	Toán	Trần Phan Anh	Danh	91	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
96	Toán	Tăng Nguyễn Tiến	Đạt	9A1	TH - THCS - THPT Vạn Hạnh	QUẬN 10	NHÌ
97	Toán	Nguyễn Minh	Đức	9A1	THCS Độc Lập	PHÚ NHUẬN	NHÌ
98	Toán	Lê Quang	Hải	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
99	Toán	Trần Nguyên	Khang	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
100	Toán	Phạm Cao Minh	Kiên	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
101	Toán	Luyện Hùng	Lâm	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	NHÌ
102	Toán	Đoàn Tuấn	Minh	9A4	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
103	Toán	Ngô Nguyễn Hoài	Như	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
104	Toán	Lê Huỳnh Thiện	Phúc	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
105	Toán	Lê Quốc	Anh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
106	Toán	Lê Ái	My	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
107	Toán	CAO MINH	Quang	95	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	BA
108	Toán	Nguyễn Tuấn	Tài	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
109	Toán	Lâm Thành	Thịnh	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
110	Toán	NGUYỄN ĐẮC	VINH	95	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	BA
111	Toán	Nguyễn Phước	Bảo	9A13	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
112	Toán	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	9/1	THCS Trần Phú	QUẬN 10	BA
113	Toán	Cao Quang	Hiếu	9A7	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	BA
114	Toán	NGUYỄN TUẤN	KHAI	9.1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
115	Toán	Nguyễn Mạnh	Khang	9/8	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA

116	Toán	Võ Đăng	Khoa	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
117	Toán	Trần Lê An	Kiên	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
118	Toán	Nguyễn Công Duy	Nguyên	9A6	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	BA
119	Toán	Trương Thụ	Nhân	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
120	Toán	Nguyễn Thị Yến	Nhi	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
121	Toán	Lê Thanh	Phúc	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
122	Toán	Dương Khánh	An	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
123	Toán	Đặng Thanh	Ngân	9/10	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	BA
124	Toán	Bùi Quốc	Đạt	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
125	Toán	Nguyễn Thành	Tài	9A3	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	BA
126	Toán	Trần Xuân	Tín	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	BA
127	Toán	Phan Đức	Trí	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
128	Toán	Kim Nhật	Tuấn	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA
129	Toán	Phạm Quốc	Bảo	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
130	Toán	Phạm Trọng	Chinh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
131	Toán	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	9/7	THCS Trung Mỹ Tây 1	HÓC MÔN	BA
132	Toán	Lưu Quang	Huy	9B1	THCS - THPT Đức Trí	QUẬN 7	BA
133	Toán	Thái Minh	Lâm	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	BA
134	Toán	Nguyễn Hoàng	Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	BA
135	Toán	Hồ Minh	Trí	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
136	Toán	Trương Mỹ	Ngọc	9/14	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	BA
137	Toán	Lê Phước	Phát	9A7	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	BA
138	Toán	Cao Thị Minh	Phương	9A18	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
139	Toán	Lê Hải Long	Quân	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
140	Toán	Nguyễn Minh	Tâm	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
141	Toán	VŨ ĐÌNH	THI	9.5	THCS Cần Thạnh	CẦN GIỜ	BA
142	Toán	Nguyễn Tiến	Thức	9A2	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	BA
143	Toán	Mai Nguyễn Minh	Thương	9A1	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	BA
144	Toán	Nguyễn Cát	Tiên	9A3	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	BA
145	Toán	Nguyễn Công	Toàn	9A5	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	BA
146	Toán	Cao Gia	Trí	9/9	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	BA
147	Toán	Đinh Trường Hoàng	Vũ	9a8	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
148	Toán	Bùi Đình Gia	Vỹ	9A1	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	BA
149	Toán	Nguyễn Hữu	Bảo	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
150	Toán	Mai Quốc	Bình	9/11	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	BA
151	Toán	Vương Hải	Đặng	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
152	Toán	Võ Thành	Đạt	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	BA
153	Toán	Lưu Mai	Hậu	9A2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
154	Toán	Nguyễn Thế	Hùng	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
155	Toán	Nguyễn Tiến	Hung	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
156	Toán	Lương Quốc	Huy	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	BA
157	Toán	Ngô	Khải	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	BA
158	Toán	Hoàng Anh	Khoa	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
159	Toán	Nguyễn Đình	Khôi	9A4	THCS Tăng Bạt Hổ A	QUẬN 4	BA
160	Toán	Dương Anh	Kiệt	9A6	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	BA
161	Toán	Huỳnh Phát	Lộc	9/5	THCS Lý Thánh Tông	QUẬN 8	BA
162	Toán	Trần Bảo Hoàng	Long	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
163	Toán	Lê Trí	Mẫn	9/2	THCS Tân Thông Hội	CỦ CHI	BA
164	Toán	HUỲNH PHAN YẾN	NHI	9/01	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	BA
165	Toán	Hoàng Thị Quỳnh	Như	9/1	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	BA
166	Toán	Nguyễn Minh Quỳnh	Như	9/3	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
167	Toán	Trần Thúy	Ngân	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	BA
168	Toán	Nguyễn Như	Nghĩa	9A2	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	BA
169	Toán	Phạm Quang	Nghĩa	9A1	THCS - THPT Đức Trí	PHÚ NHUẬN	BA
170	Toán	Lương Minh	Phước	9A10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
171	Toán	Trần Minh	Tấn	9A1	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	BA
172	Toán	Trần Quang	Thái	9A4	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	BA
173	Toán	Đỗ Thị Kim	Thư	9a5	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
174	Toán	Trần Quốc	Thuần	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	BA

175	Toán	Nguyễn Thị Thanh	Vân	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
176	Toán	Tô Ngọc Thanh	Xuân	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	BA
177	Toán	Hành Nguyễn Gia	Hân	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
178	Toán	Lê Thúy	Hằng	9/2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	BA
179	Toán	Tạ Khắc	Khoan	9/1	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
180	Toán	Phạm Chung	Kiên	9/16	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
181	Toán	Nguyễn Võ Mỹ	Ngọc	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
182	Toán	Đình Hoàng Thảo	Nhi	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
183	Toán	Trần Ngô Gia	Ân	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	BA
184	Toán	Lưu Kiều Vân	Anh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
185	Toán	Trần Bảo	Ngân	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
186	Toán	Mai Hoàng	Phúc	9A13	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
187	Toán	NGUYỄN VŨ NHƯ	Quỳnh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
188	Toán	Nguyễn Thanh	Trọng	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
189	Toán	Nguyễn Quang	Trường	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
190	Toán	Nguyễn Huỳnh	YếnNhi	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
191	Toán	NGUYỄN TRẦN NGUYỄN	BẢO	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
192	Toán	Nguyễn Trần Phúc	Bảo	9/2	THCS Trung Mỹ Tây 1	HÓC MÔN	BA
193	Toán	HUỲNH NGUYỄN HỒNG	Chương	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	BA
194	Toán	Lê Quang	Đại	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	BA
195	Toán	Nguyễn Hồng	Đạt	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
196	Toán	Trần Hồng	Đức	9A9	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
197	Toán	Trần Thị Hồng	Hạnh	9/4	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
198	Toán	Lương Thắng	Kiệt	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	BA
199	Toán	Nguyễn Bá	Kiệt	9A2	THPT Nam Sài Gòn	QUẬN 7	BA
200	Toán	Nguyễn Phạm Hoàng	Lộc	9A9	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
201	Toán	Huỳnh Tuấn	Minh	9A8	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	BA
202	Toán	Nguyễn Đức Hồng	Ngọc	9/9	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	BA
203	Toán	TẠ NGỌC UYÊN	NHI	9.H2	TH - THCS - THPT Việt Úc	PHÚ NHUẬN	BA
204	Vật lý	Nguyễn Võ Toàn	Thịnh	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
205	Vật lý	Nguyễn Thành	Tín	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
206	Vật lý	Nguyễn Khánh	Trình	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHẤT
207	Vật lý	Dương Văn	Trà	9.5	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	NHẤT
208	Vật lý	Hà Quyền	Vương	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHẤT
209	Vật lý	Nguyễn Minh	Trí	9/9	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	NHẤT
210	Vật lý	Hồ Trần Nhật	Quyền	9A8	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	NHẤT
211	Vật lý	Phương Xương	Tài	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	NHẤT
212	Vật lý	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC	9/02	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHẤT
213	Vật lý	Trần Quỳnh Bảo	Ngân	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHẤT
214	Vật lý	Nguyễn Minh	Hà	9/1	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	NHẤT
215	Vật lý	Đặng Ngọc	Hoàng	9A2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHẤT
216	Vật lý	Đặng Đoàn Đức	Hoàng	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
217	Vật lý	Trần Triệu	Vĩ	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	NHẤT
218	Vật lý	Trần Minh	Đặng	9A2	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	NHẤT
219	Vật lý	Nguyễn Thiên	Đạt	9A8	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	NHẤT
220	Vật lý	Lê Thị Mỹ	Duyên	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHẤT
221	Vật lý	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHẤT
222	Vật lý	Nguyễn Thành	Tân	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
223	Vật lý	Tô Thị Ngọc	Hiền	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHẤT
224	Vật lý	Nguyễn Phúc Minh	Nhật	9A10	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
225	Vật lý	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	9/10	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHẤT
226	Vật lý	Dương Đoàn Văn	Nhi	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
227	Vật lý	Lê Trần Kim	Oanh	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHẤT
228	Vật lý	Đặng Minh	Thiện	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
229	Vật lý	Ngô Anh	Thư	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHẤT
230	Vật lý	Nguyễn Minh	Thư	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
231	Vật lý	Nguyễn Minh	Tiến	9/1	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	NHẤT
232	Vật lý	Nguyễn Trọng	Trung	9A1	THPT Nam Sài Gòn	QUẬN 7	NHẤT
233	Vật lý	Nguyễn Anh	Tuấn	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	NHẤT

234	Vật lý	Vũ Ngô Tú	Uyên	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	NHẤT
235	Vật lý	Lý Đoàn	Dự	9/3	THCS Khánh Bình	QUẬN 8	NHẤT
236	Vật lý	LÊ THANH	HÀ	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
237	Vật lý	Nguyễn Ngân	Hà	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHẤT
238	Vật lý	Đỗ Đăng	Khoa	9A6	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	NHẤT
239	Vật lý	Lê Đăng	Khoa	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
240	Vật lý	Hoàng Khánh	Linh	9-1	THCS Lê lợi	QUẬN 3	NHẤT
241	Vật lý	Lý Bảo	Long	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	QUẬN 11	NHẤT
242	Vật lý	Trần Ngọc	Minh	9/2	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	NHẤT
243	Vật lý	Ngô Hoàng Ngọc	My	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
244	Vật lý	Hà Minh	Ngọc	9A1	THCS Đông Đa	BÌNH THẠNH	NHẤT
245	Vật lý	Lê Hữu	Phúc	9A1	THCS Ván Đồn	QUẬN 4	NHẤT
246	Vật lý	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	9A9	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHẤT
247	Vật lý	Hà Quyền	Nhân	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
248	Vật lý	Nguyễn Ngọc	Nhi	9/11	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	NHÌ
249	Vật lý	Đinh Phạm Tấn	Đạt	9A4	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	NHÌ
250	Vật lý	Đặng Hoàng	Minh	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	NHÌ
251	Vật lý	Nguyễn Thiên	Nguyên	9A8	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	NHÌ
252	Vật lý	Nguyễn Phúc Minh	Quân	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
253	Vật lý	Huỳnh Đức	Tài	9A9	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	NHÌ
254	Vật lý	Tôn Thất Ngọc	Bảo	9a5	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	NHÌ
255	Vật lý	Lê Thanh	Bình	9/1	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	NHÌ
256	Vật lý	Lưu Khánh	Đan	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
257	Vật lý	Phạm Mai	Duyên	9A8	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	NHÌ
258	Vật lý	Phạm Thị Ngọc	Hân	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHÌ
259	Vật lý	Lê Mỹ Kim	Hoa	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
260	Vật lý	Lê Thạch Phước	Hung	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
261	Vật lý	Ngô Minh	Hung	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHÌ
262	Vật lý	Nguyễn Xuân	Hương	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
263	Vật lý	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	NHÌ
264	Vật lý	Nguyễn Cao Đức	Nguyên	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
265	Vật lý	VÕ NGUYỄN	PHÁT	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHÌ
266	Vật lý	Nguyễn Đức	Thắng	9A1	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	NHÌ
267	Vật lý	Nguyễn Trí	Tài	9/7	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	NHÌ
268	Vật lý	Chu Thị Tường	Vy	9A6	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
269	Vật lý	Nông Minh	Hà	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
270	Vật lý	Hoàng Tuấn	Minh	9/3	THCS Phú Định	QUẬN 6	NHÌ
271	Vật lý	Mai Kim	Ngân	9/2	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHÌ
272	Vật lý	Phạm Quang	Thắng	9A1	THCS Lý Phong	QUẬN 5	NHÌ
273	Vật lý	Trần Huỳnh Minh	Thanh	92	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
274	Vật lý	Nguyễn Hoàng	Triều	9A12	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	NHÌ
275	Vật lý	Hoàng Khang	Ấn	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
276	Vật lý	Nguyễn Thị Phương	Anh	9A4	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	NHÌ
277	Vật lý	Nguyễn Trần Nhật	Anh	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
278	Vật lý	Nguyễn Huy	Nhân	9A1	THCS Đông Đa	BÌNH THẠNH	NHÌ
279	Vật lý	Trương Tâm	Thành	9.1	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHÌ
280	Vật lý	Trương Ngọc Cát	Tường	9/7	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	NHÌ
281	Vật lý	Vũ Ngọc	Định	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
282	Vật lý	Đoàn Gia	Huy	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
283	Vật lý	Đoàn Nguyễn Minh	Khoa	9/13	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	NHÌ
284	Vật lý	Hoàng Đình An	Phú	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
285	Vật lý	Đặng Lê Chí	Khang	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	NHÌ
286	Vật lý	Nguyễn Đức	Anh	9/8	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHÌ
287	Vật lý	Trương Thanh Hiếu	Nhân	9A16	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
288	Vật lý	Phí Phương	Thảo	9A1	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	NHÌ
289	Vật lý	Lý Trần Mỹ	Tiên	9/8	THCS Võ Văn Vân	BÌNH CHÁNH	NHÌ
290	Vật lý	Phạm Văn	Toại	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	NHÌ
291	Vật lý	Trần Minh	Trang	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHÌ
292	Vật lý	Nguyễn Công	Danh	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ

293	Vật lý	Trần Đức	Hải	9/2	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
294	Vật lý	Cao Minh	Khiết	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
295	Vật lý	Bùi Đức	Mạnh	9/4	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	NHÌ
296	Vật lý	Mai Hoàng	Minh	9A12	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHÌ
297	Vật lý	Phạm Hoàng Gia	Nghi	9/8	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
298	Vật lý	Phan Hồng	Ngọc	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	NHÌ
299	Vật lý	Nguyễn Quỳnh	Như	9A9	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	NHÌ
300	Vật lý	Nguyễn Minh	Thư	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
301	Vật lý	Nguyễn Khắc	Việt	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
302	Vật lý	Nguyễn Đức Minh	Đang	9/2	THCS Bình Tây	QUẬN 6	NHÌ
303	Vật lý	Nguyễn Thị Thu	Hà	9A4	THCS Thái Văn Lung	THỦ ĐỨC	NHÌ
304	Vật lý	Huỳnh Minh	Mẫn	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	NHÌ
305	Vật lý	NGUYỄN HUỲNH THẢO	NHU	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHÌ
306	Vật lý	Dương Minh	Quân	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
307	Vật lý	Lương Hồng	Quân	9A9	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	NHÌ
308	Vật lý	Phạm Trọng	Tín	9/8	THCS Minh Đức	QUẬN 1	NHÌ
309	Vật lý	Nguyễn	Tuấn	9/13	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	NHÌ
310	Vật lý	Hồ Sĩ Thành	Đạt	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
311	Vật lý	HUỲNH ANH	DỪNG	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	QUẬN 2	NHÌ
312	Vật lý	Nguyễn Anh	Khoa	9/10	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
313	Vật lý	Dương Trung	Nguyên	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
314	Vật lý	Cao Thanh	Phong	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
315	Vật lý	Đỗ Minh	Thư	91	THCS Rạng Đông	BÌNH THẠNH	NHÌ
316	Vật lý	Nguyễn Đăng Hương	Uyên	9A7	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	NHÌ
317	Vật lý	Hồ Quan	Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quý	NHÀ BÈ	NHÌ
318	Vật lý	Nguyễn Thành Ý	Minh	9A9	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
319	Vật lý	Đặng Quỳnh	Như	9A1	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	NHÌ
320	Vật lý	Vũ Ngọc Tổ	Như	9A5	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	NHÌ
321	Vật lý	Trần Nguyễn Anh	Thư	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
322	Vật lý	Nguyễn Vũ Song	Thủy	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
323	Vật lý	Trần Trung	Tín	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
324	Vật lý	Phạm Gia	Bảo	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
325	Vật lý	Đoàn Bảo	Châu	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
326	Vật lý	Huỳnh Trần Minh	Chiến	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
327	Vật lý	Lữ Phạm Gia	Hân	9A3	THCS Lý Phong	QUẬN 5	NHÌ
328	Vật lý	Phạm Lê Thế	Hiển	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
329	Vật lý	Phan Thị Phúc	Hội	9/4	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
330	Vật lý	Hoàng Anh	Hùng	9/3	THCS Trương Văn Ngu	THỦ ĐỨC	NHÌ
331	Vật lý	Lê Văn	Mạnh	9A3	THPT Nam Sài Gòn	QUẬN 7	NHÌ
332	Vật lý	Trịnh Bá	Phát	9.6	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	NHÌ
333	Vật lý	Phan Ngô Tiến	Thịnh	9A1	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
334	Vật lý	Nguyễn Trần Anh	Thư	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
335	Vật lý	Phạm Thị Tuyết	Hồng	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
336	Vật lý	Nguyễn Xuân	Hy	9A2	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
337	Vật lý	Trần Nhật	Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
338	Vật lý	Phan Thiện	Phát	9A3	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	BA
339	Vật lý	Ngô Hoàng	Son	9A8	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
340	Vật lý	Huỳnh Hữu	Thịnh	9/3	THCS Trung An	CỦ CHI	BA
341	Vật lý	Phạm Minh	Trí	9.9	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	BA
342	Vật lý	Phan Nguyễn Hải	Triều	9/13	TH, THCS VÀ THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 3	BA
343	Vật lý	Lê Nhật	Trường	9A6	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	BA
344	Vật lý	NGUYỄN THÁI	TÚ	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	BA
345	Vật lý	Đình Gia	Tuệ	9A9	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
346	Vật lý	Đặng Thị Thảo	Vy	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
347	Vật lý	Châu Chấn	Bảng	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
348	Vật lý	Lai Quang	Bảo	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
349	Vật lý	Phạm Dương Gia	Bảo	9A1	THCS - THPT Đức Trí	PHÚ NHUẬN	BA
350	Vật lý	Tô Thế	Hân	9A4	THCS Nguyễn Văn Quý	NHÀ BÈ	BA
351	Vật lý	Đặng Ngọc Mai	Khôi	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA

352	Vật lý	Trần Lê Minh	Khôi	9A4	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	BA
353	Vật lý	Trần Thị Thùy	Linh	9TC1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	BA
354	Vật lý	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	LỘC	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
355	Vật lý	Hà Quang	Nghĩa	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
356	Vật lý	Hà Lê	Nguyên	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
357	Vật lý	Đỗ Duy	Tân	9/2	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	BA
358	Vật lý	Hoàng	Minh	9A10	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
359	Vật lý	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	9.8	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	BA
360	Vật lý	Vũ Toàn	Thiện	9/2	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
361	Vật lý	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	9A19	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
362	Vật lý	Nguyễn Minh	Trí	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	BA
363	Vật lý	Tạ Tú	Uyên	9/2	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
364	Vật lý	Phan Khắc Hoàng	Anh	9.9	THCS Huỳnh Văn Nghệ	BÌNH TÂN	BA
365	Vật lý	Vương	Khang	9/11	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	BA
366	Vật lý	Võ Minh	Thắng	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	BA
367	Vật lý	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	9A1	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	BA
368	Vật lý	Hà Minh	Quân	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
369	Vật lý	Đoàn Đình	Quốc	9/4	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	BA
370	Vật lý	Nguyễn Kim Trường	Thịnh	9A1	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	BA
371	Vật lý	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
372	Vật lý	Nguyễn Minh	Tú	9A4	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
373	Vật lý	Nguyễn Thanh	Tuấn	9a5	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
374	Vật lý	Đình Duy Linh	Đan	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	BA
375	Vật lý	Nguyễn Ngọc	Huân	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
376	Vật lý	Nguyễn Như	Thái	9/6	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	BA
377	Vật lý	Nguyễn Phạm Anh	Thư	9/08	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
378	Vật lý	NGUYỄN	VINH	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	BA
379	Vật lý	Phạm Minh	Châu	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
380	Vật lý	Trần Bùi Minh	Hoàng	9A1	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	BA
381	Vật lý	Nguyễn Hà Hùng	Minh	9A4	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	BA
382	Vật lý	Phạm Minh	Quang	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
383	Vật lý	Cao Trung	Nghĩa	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
384	Vật lý	Phạm Hoàng Minh	Nguyệt	9.9	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	BA
385	Vật lý	Nguyễn Trường	Phát	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
386	Vật lý	Nguyễn Thụy Thùy	Anh	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	BA
387	Vật lý	Phan Gia	Thiên	9/2	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	BA
388	Vật lý	Nguyễn Lê Xuân	Thịnh	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
389	Vật lý	Trịnh Thu	Trang	9/3	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	BA
390	Vật lý	Trần Quốc	Văn	9/10	THCS Ba Đình	QUẬN 5	BA
391	Vật lý	Võ Hoàng	Anh	9/4	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	BA
392	Vật lý	Huỳnh Gia	Bảo	9A9	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	BA
393	Vật lý	Phan Phát Duy	Bình	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
394	Vật lý	Lê Trần Bảo	Châu	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
395	Vật lý	Hồ Hữu	Đại	9A11	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	BA
396	Vật lý	Trương Tiến	Đạt	9.4	THCS Huỳnh Văn Nghệ	BÌNH TÂN	BA
397	Vật lý	Đặng Hồng	Đức	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	QUẬN 11	BA
398	Vật lý	Lâm Nguyễn Ngọc	Hân	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
399	Vật lý	Nguyễn Quang	Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
400	Vật lý	Huỳnh Giáng	My	9A6	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	BA
401	Vật lý	Nguyễn Phúc Thanh	Trúc	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
402	Vật lý	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	9A1	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	BA
403	Vật lý	Phan Thiện	Văn	9/1	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	BA
404	Vật lý	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
405	Vật lý	Trần Vỹ	Khang	9A1	THCS Tân Tiến	CỦ CHI	BA
406	Vật lý	Lê Bá Nhật	Minh	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
407	Vật lý	Nguyễn Nhật	Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
408	Vật lý	Huỳnh Minh	Quân	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	BA
409	Vật lý	Lê Duy Hoàng	Sơn	9/13	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
410	Vật lý	Võ Ngọc Minh	Thư	9A8	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA

411	Vật lý	VÕ HUỖNH THANH	THỦY	9.8	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	BA
412	Vật lý	Đặng Nguyễn Hiếu	Toàn	9A6	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	BA
413	Vật lý	Huỳnh Minh	Triết	9A3	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
414	Vật lý	Lê Võ Thảo	Vy	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
415	Vật lý	Nguyễn Trọng	Bách	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
416	Vật lý	Phạm Ngọc	Bảo	9TC1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
417	Vật lý	Trương Trí	Dũng	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
418	Vật lý	Huỳnh Ngọc Hải	Dương	9/7	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	BA
419	Vật lý	Ngô Trần Quốc	Duy	9.2	THCS Trần Quốc Toàn	BÌNH TÂN	BA
420	Vật lý	Hà Minh	Hiếu	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
421	Vật lý	Trần Cẩm	Hòa	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
422	Vật lý	Bùi Nguyễn Anh	Khoa	9A3	THCS Nguyễn Đức Cảnh	QUẬN 6	BA
423	Vật lý	Thạch Khiết	Minh	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
424	Vật lý	Nguyễn	Nghiệm	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
425	Vật lý	Phạm Quang	Thái	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
426	Vật lý	Đoàn Ngọc Như	Thảo	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
427	Vật lý	Trần Minh	Hiếu	9A10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
428	Vật lý	Nguyễn Bảo	Ngọc	9/7	THCS Thị trấn 2	CỦ CHI	BA
429	Vật lý	Đỗ Vũ Nguyên	Anh	9A1	THCS Kiên Thiết	QUẬN 3	BA
430	Vật lý	Đặng Ngọc	Quyên	9A1	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	BA
431	Vật lý	Nguyễn Đỗ Tấn	Tài	9.4	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	BA
432	Vật lý	Nguyễn Hoàng	Thịnh	9A2	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
433	Vật lý	Nguyễn Thế	Thịnh	9A1	THCS Tân Tiến	CỦ CHI	BA
434	Vật lý	Dương Thanh	Toàn	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
435	Vật lý	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRẦN	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	BA
436	Vật lý	NGUYỄN THẢO	VY	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
437	Vật lý	Nguyễn Ngọc Mạnh	Cường	9/1	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	BA
438	Vật lý	Phạm Minh	Hoàng	9A2	THCS Tăng Bạt Hổ A	QUẬN 4	BA
439	Vật lý	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	9A1	THCS Gò Xoài	BÌNH CHÁNH	BA
440	Vật lý	Võ Đăng	Khoa	9A9	THCS Độc Lập	PHÚ NHUẬN	BA
441	Vật lý	Tăng Đình	Khôi	9/9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
442	Vật lý	Lâm Vĩ	Kiệt	9/1	THCS Minh Đức	QUẬN 1	BA
443	Vật lý	Phan Xuân	Kiệt	9/1	THCS Trung Mỹ Tây 1	HÓC MÔN	BA
444	Vật lý	Mạch Siêu	Kỳ	9/2	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
445	Vật lý	Đồng Minh	Quân	9A1	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	QUẬN 12	BA
446	Vật lý	Nguyễn Xuân Đình	Thắng	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	BA
447	Vật lý	Nguyễn Tấn	Vũ	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	BA
448	Vật lý	Dương Huỳnh Trúc	Vy	9A3	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	BA
449	Vật lý	Vũ Trung	Hiếu	9A9	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	BA
450	Vật lý	Trương Huỳnh Gia	Linh	9B1	THCS - THPT Đức Trí	QUẬN 7	BA
451	Vật lý	NGUYỄN PHAN THANH	TÂM	9.8	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	BA
452	Hóa học	VÕ MINH	HIỀN	94.00	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
453	Hóa học	Hoàng Anh	Đức	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
454	Hóa học	Nguyễn Xuân Hoàng	Dương	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
455	Hóa học	Lê Văn Đức	Anh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	NHẤT
456	Hóa học	Nguyễn Việt	Phong	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHẤT
457	Hóa học	Nguyễn Thanh	Nam	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHẤT
458	Hóa học	Nguyễn Vinh	Hiền	9A12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
459	Hóa học	Nguyễn Mạnh	Trí	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
460	Hóa học	Nguyễn Bảo Quỳnh	Anh	9A5	THCS Lý Phong	QUẬN 5	NHẤT
461	Hóa học	Lê Hữu	Phát	9/15	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	NHẤT
462	Hóa học	Hà Trọng	Hoàng	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHẤT
463	Hóa học	Đỗ Ngọc Quý	Thanh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
464	Hóa học	Lâm Quốc	Bảo	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	NHẤT
465	Hóa học	Nguyễn Hoàng	Khang	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
466	Hóa học	Nguyễn Hồng	Anh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
467	Hóa học	Phạm Trọng	Tấn	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHẤT
468	Hóa học	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	9A4	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	NHẤT
469	Hóa học	Phan Minh Thủy	Trâm	9A4	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	NHẤT

470	Hóa học	Bùi Ngô Tấn	Đạt	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	NHẤT
471	Hóa học	Phạm Duy Anh	Hào	9A1	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	NHẤT
472	Hóa học	Phan Trung	Nguyên	9A1	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	NHẤT
473	Hóa học	Lê Việt	Tài	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHẤT
474	Hóa học	Phạm Lê Song	Tú	9A2	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	NHẤT
475	Hóa học	Nguyễn Khánh Gia	Hào	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
476	Hóa học	Nguyễn Sơn	Tùng	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
477	Hóa học	Nguyễn Hoàng Khải	Minh	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHẤT
478	Hóa học	Huỳnh Danh	Quân	9A9	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	NHẤT
479	Hóa học	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	9A10	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
480	Hóa học	Cao Minh	Thành	9A3	THCS Hiệp Bình	THỦ ĐỨC	NHẤT
481	Hóa học	Lê Nguyễn Thiện	Khanh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	NHẤT
482	Hóa học	Trần Hoàng Tuấn	Kiệt	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	NHẤT
483	Hóa học	Lê Thành	Nhân	9A12	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHẤT
484	Hóa học	Võ Nguyễn An	Bình	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
485	Hóa học	Nguyễn Việt Công	Danh	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
486	Hóa học	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	ĐOÀN	9a3	THCS Đa Phước	BÌNH CHÁNH	NHÌ
487	Hóa học	Lê Thị Khánh	Linh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quý	NHÀ BÈ	NHÌ
488	Hóa học	NGUYỄN TRẦN MỸ	DUNG	9.20	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	NHÌ
489	Hóa học	Đào Trí	Dũng	9/11	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	NHÌ
490	Hóa học	Nguyễn Hoàng	Nhân	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
491	Hóa học	Nguyễn Thanh	Nhân	9/1	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	NHÌ
492	Hóa học	Vũ Thanh	Phương	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
493	Hóa học	Nguyễn Kim Mỹ	Duyên	9A15	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
494	Hóa học	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	9A6	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	NHÌ
495	Hóa học	Đoàn Công	Thành	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
496	Hóa học	Nguyễn Trần Anh	Trúc	9.20	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHÌ
497	Hóa học	Lê Huỳnh Quốc	Trung	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHÌ
498	Hóa học	Nguyễn Gia	Hào	9/3	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
499	Hóa học	Lê Phước	Lộc	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
500	Hóa học	Hà Tường	Nguyên	9A2	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	NHÌ
501	Hóa học	Trương Kỳ	Tông	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
502	Hóa học	Võ Chiêu	Quỳnh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
503	Hóa học	Phạm Nguyễn Minh	Tâm	9.20	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHÌ
504	Hóa học	Lê Hồng	Thuận	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
505	Hóa học	Lê Võ Yến	Vy	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
506	Hóa học	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	9/4	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
507	Hóa học	Trương Quốc	Anh	93.00	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
508	Hóa học	Trần Minh	Đức	9/4	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHÌ
509	Hóa học	Đặng Hoàng	Dương	9A10	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHÌ
510	Hóa học	Tô Chí	Khanh	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHÌ
511	Hóa học	Trần Thảo	Ly	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
512	Hóa học	Nguyễn Phạm Nhật	Quang	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
513	Hóa học	Nguyễn Thành	Quang	9A2	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	NHÌ
514	Hóa học	Hoàng Quỳnh	Hương	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
515	Hóa học	Nguyễn Văn	Anh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
516	Hóa học	Nguyễn Thái	Dương	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
517	Hóa học	Trần Đỗ Phương	Anh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
518	Hóa học	Nguyễn Hoàng	KhánhLinh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	NHÌ
519	Hóa học	Đặng Nguyễn Anh	Kiệt	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
520	Hóa học	Nguyễn Thái	Tài	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
521	Hóa học	Nguyễn Quang	Thắng	9A10	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	NHÌ
522	Hóa học	LÊ TRẦN ANH	KIỆT	9a3	THCS Đa Phước	BÌNH CHÁNH	NHÌ
523	Hóa học	Trịnh Hoàng Ngọc	Lâm	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
524	Hóa học	Nguyễn Đăng Phúc	Lộc	9/2	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
525	Hóa học	Huỳnh Trần Tâm	Anh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
526	Hóa học	Hoàng Hải	My	9A11	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
527	Hóa học	Nguyễn Thị Tường	Quyên	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
528	Hóa học	Nguyễn Phương Bảo	Trân	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ

529	Hóa học	Vương	Hoàng	9/12	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	NHÌ
530	Hóa học	Bùi Khánh	An	9A16	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
531	Hóa học	Lê Hoài Nam	Phương	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
532	Hóa học	Dương Ngọc	Tâm	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	NHÌ
533	Hóa học	Trần Ngọc Bảo	Trâm	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHÌ
534	Hóa học	Nguyễn Trần Hoàng	Vân	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
535	Hóa học	Phạm Trần Minh	Hoàng	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	NHÌ
536	Hóa học	Nguyễn Minh	Huy	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
537	Hóa học	Trương Mẫn	Nghi	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
538	Hóa học	Nguyễn Hà Phương	Trâm	9A15	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
539	Hóa học	Nguyễn Khánh	Khoa	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
540	Hóa học	Lê Ngọc Minh	Thư	9A3	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
541	Hóa học	Nguyễn Ngọc Như	Hân	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
542	Hóa học	Lê Đăng	Khánh	9A11	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
543	Hóa học	Trần Lư Văn	Phi	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
544	Hóa học	Ô Hón	Sâm	9A3	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	NHÌ
545	Hóa học	PHAN PHƯƠNG	TÂM	91.00	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHÌ
546	Hóa học	Trần Phạm Phương	Anh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
547	Hóa học	TRẦN THANH	HÀ	9.70	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	NHÌ
548	Hóa học	Lý Đức	Hưng	9/1	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	NHÌ
549	Hóa học	Trần Hoàng	Long	9A1	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	NHÌ
550	Hóa học	Nguyễn Ngọc Hồng	Mai	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
551	Hóa học	Nguyễn Cảnh Duy	Anh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
552	Hóa học	Trần Phạm Khánh	Duy	9A5	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	BA
553	Hóa học	Đặng Thế Anh	Hào	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
554	Hóa học	Phạm Trần Quang	Huy	9-10	THCS Lê lợi	QUẬN 3	BA
555	Hóa học	Nguyễn Thế	Long	9A1	THCS Tân Thạnh Tây	CỦ CHI	BA
556	Hóa học	Đinh Hoàng Minh	Anh	9/2	THCS Lê Văn Việt	THỦ ĐỨC	BA
557	Hóa học	Nguyễn Vĩnh Phúc	Bảo	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
558	Hóa học	Nguyễn Phước Du	Chuyên	9TC3	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	BA
559	Hóa học	Trần Ngọc Uyên	Nhi	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
560	Hóa học	Nguyễn Duy Bảo	Trân	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
561	Hóa học	Phạm Gia	Tuệ	9/3	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	BA
562	Hóa học	DƯƠNG QUỲNH	HOA	92.00	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
563	Hóa học	Phạm Trần Phương	Nghi	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
564	Hóa học	Trương Thanh	Nhã	9/5	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	BA
565	Hóa học	Huỳnh Ngọc Nguyên	Phúc	9/7	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	BA
566	Hóa học	Giang Lê Tuấn	Anh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	BA
567	Hóa học	Thạch Gia	Bảo	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
568	Hóa học	Đỗ Minh	Phú	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
569	Hóa học	Nguyễn Ngọc Uyên	Thảo	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	BA
570	Hóa học	Trần Cẩm	Toàn	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
571	Hóa học	Phan Nguyễn Anh	Tuấn	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
572	Hóa học	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
573	Hóa học	Nguyễn Đặng Việt	Hoàng	9A19	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
574	Hóa học	Lê Võ Thy	Phương	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	BA
575	Hóa học	Phan	Cẩm	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
576	Hóa học	Lê Bùi Nguyễn	Quốc	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	BA
577	Hóa học	ĐỖ CHÍ	TRUNG	9.10	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
578	Hóa học	Phan Tuấn	Đạt	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
579	Hóa học	Nguyễn Võ Kiều	My	9.10	THCS Trần Quốc Toản	BÌNH TÂN	BA
580	Hóa học	NGUYỄN TRẦN NGỌC	BẢO	93.00	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
581	Hóa học	Đào Khánh	Thuận	9.10	THCS Lê Tấn Bê	BÌNH TÂN	BA
582	Hóa học	Phạm Lê Kim	Ánh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
583	Hóa học	Nguyễn Minh	Hiếu	9/2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	BA
584	Hóa học	Hà Phương	Nghi	9/2	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
585	Hóa học	Nguyễn Vũ Huy	Bảo	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
586	Hóa học	Nguyễn Trung	Tiến	9A5	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	BA
587	Hóa học	Nguyễn Minh Anh	Duy	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA

588	Hóa học	PHAN THỊ THU	HÀ	9-8	THCS Đồng Đen	BÌNH CHÁNH	BA
589	Hóa học	Lâm Trí	Khang	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
590	Hóa học	Trần Khánh	Linh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
591	Hóa học	Võ Minh	Tú	9/2	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	BA
592	Hóa học	Ngô Khánh	Uyên	9/15	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	BA
593	Hóa học	Bùi Anh	Dương	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
594	Hóa học	Nguyễn Thanh	Hà	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
595	Hóa học	Nguyễn Gia	Hân	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
596	Hóa học	Trần Thái	Huy	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	BA
597	Hóa học	Bùi Nguyễn Đăng	Khoa	9-1	THCS Lê lợi	QUẬN 3	BA
598	Hóa học	Trần Nguyễn Khánh	Linh	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
599	Hóa học	Trần Huỳnh Nhật	Nam	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
600	Hóa học	Lê Ngọc Phương	Chi	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
601	Hóa học	Phạm Đức	Chính	9/9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
602	Hóa học	Nguyễn Hải	Sơn	9A5	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	BA
603	Hóa học	Lê Hoàng Bảo	Thiên	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
604	Hóa học	Phạm Thị Ngọc	Trâm	9/12	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	BA
605	Hóa học	Vũ Khánh	Tùng	9/1	THCS Thị Trấn	CỦ CHI	BA
606	Hóa học	NGUYỄN HOÀNG	DỪNG	9.20	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
607	Hóa học	Đoàn Huỳnh Ngọc	Hân	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
608	Hóa học	Đặng Quốc	Huy	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
609	Hóa học	Hoàng Gia	Huy	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	BA
610	Hóa học	Nguyễn Anh	Khoa	9/3	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	BA
611	Hóa học	Cao Hoàng Xuân	Mai	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
612	Hóa học	Hồ Anh	Minh	9A1	THCS Tân An Hội	CỦ CHI	BA
613	Hóa học	Đoàn Vương Bảo	Ngọc	9TH	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
614	Hóa học	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
615	Hóa học	Lê Ngọc Khánh	Như	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
616	Hóa học	Nguyễn Hồng	Nhung	9/1	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	BA
617	Hóa học	Nguyễn Châu	Giang	9/4	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	BA
618	Hóa học	Trần Hà Ngọc	Minh	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
619	Hóa học	Dương Phúc Phương	Nghi	9/11	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	BA
620	Hóa học	Cao Anh	Quân	9A1	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	BA
621	Hóa học	Nguyễn Việt Thành	Nhân	9A12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
622	Hóa học	Đinh Nguyễn Khánh	Trình	9A16	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
623	Hóa học	Trần Nguyễn Khả	Ái	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
624	Hóa học	Nguyễn Thị Minh	Tâm	9/13	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	BA
625	Hóa học	Huỳnh	Tôn	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
626	Hóa học	Võ Anh	Đức	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
627	Hóa học	Trương Thế	Mạnh	9/5	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA
628	Hóa học	Nguyễn Hoàng	My	9A6	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	BA
629	Hóa học	Trương Thụy Vân	Nhi	9/6	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
630	Hóa học	Trương Bá Tuấn	Sang	9A3	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	BA
631	Hóa học	Phan Bình	Thiên	9/3	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	BA
632	Hóa học	Lê Ngọc Minh	Thư	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
633	Hóa học	Lê Vũ	Tiến	9.60	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	BA
634	Hóa học	Nguyễn Lê	Tuấn	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
635	Hóa học	Hồ Thị Tường	Vy	9.10	THCS Trần Quốc Toàn	BÌNH TÂN	BA
636	Hóa học	Lâm Kim	Đạt	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	QUẬN 11	BA
637	Hóa học	Lý Khải	Huyền	9a2	THCS Bình Quới Tây	BÌNH THẠNH	BA
638	Hóa học	Đoàn Bảo	Long	9/7	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	BA
639	Hóa học	Lê Quang	Nhân	9/8	THCS Trần Phú	QUẬN 10	BA
640	Hóa học	Nguyễn Minh	An	9a8	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
641	Hóa học	Lê Thị Như	Quỳnh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
642	Hóa học	Vũ Nguyễn Thanh	Tâm	9/11	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	BA
643	Hóa học	Long Điền	Thắng	9A5	THCS Đức Trí	QUẬN 1	BA
644	Hóa học	Nguyễn Minh	Thiện	9A5	THCS Đức Trí	QUẬN 1	BA
645	Hóa học	Diệp Châu Hải	Yến	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
646	Hóa học	Hồ Gia	Bảo	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA

647	Hóa học	Nguyễn Cửu Gia	Bảo	9A3	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
648	Hóa học	Trịnh Tiến Đạt	Khoa	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
649	Hóa học	Dương Minh	Khôi	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
650	Hóa học	Trần Hoàng	Minh	9/2	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA
651	Hóa học	Đới Ngọc Thanh	Ngân	9TC3	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
652	Hóa học	Lâm Hồng	Ngọc	9/1	THCS Trương Văn Ngu	THỦ ĐỨC	BA
653	Sinh học	Hoàng Quốc	Minh	9A3	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	NHẤT
654	Sinh học	Hoàng Ngọc Lan	Hương	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
655	Sinh học	Dương Ngọc	An	9A3	THPT Nam Sài Gòn	QUẬN 7	NHẤT
656	Sinh học	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
657	Sinh học	Huỳnh Phước	Lợi	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
658	Sinh học	Nguyễn Vũ Linh	Nghi	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
659	Sinh học	Đỗ Tuấn	Khải	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHẤT
660	Sinh học	HUỲNH CAO	MINH	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
661	Sinh học	Trần Phương	Anh	9TH	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	NHẤT
662	Sinh học	Trần Mai	Thi	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
663	Sinh học	Phạm Nguyễn Song	Đan	9/10	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	NHẤT
664	Sinh học	Nguyễn Thị Kim	Ngân	9A11	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHẤT
665	Sinh học	Nguyễn Thị Bích	Trâm	9/4	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	NHẤT
666	Sinh học	Phạm Hữu	Tuấn	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
667	Sinh học	Trần Phạm Thiên	Ân	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
668	Sinh học	Nguyễn Hồng	Ngọc	9/8	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	NHẤT
669	Sinh học	Lê Minh	Tú	9/9	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHẤT
670	Sinh học	Huỳnh Khánh Bảo	Long	9A8	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
671	Sinh học	Trịnh Nguyễn Như	Quỳnh	9A1	THCS Văn Thân	QUẬN 6	NHẤT
672	Sinh học	Lê Hoàng Kim	Anh	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHẤT
673	Sinh học	ĐẶNG HẠNH	NGUYỄN	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHẤT
674	Sinh học	MÃ HỒNG YẾN	NHU	9.1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	NHẤT
675	Sinh học	Ngô Hữu	Phước	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHẤT
676	Sinh học	Nguyễn Minh	Trung	9/3	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	NHẤT
677	Sinh học	Phạm Phú	An	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
678	Sinh học	Lê Trí	Dũng	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
679	Sinh học	Nguyễn Quốc	Huy	9A2	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	NHẤT
680	Sinh học	Nguyễn Phạm Mai	Ka	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHẤT
681	Sinh học	Đặng Trần Minh	Nhật	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHẤT
682	Sinh học	Nguyễn Thị Thùy	Trang	9/6	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	NHẤT
683	Sinh học	ÔNG THUỶ Ý	VÂN	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHẤT
684	Sinh học	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
685	Sinh học	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
686	Sinh học	Võ Ngọc Phương	Linh	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	NHÌ
687	Sinh học	Nguyễn Lê Nhật	Minh	9/3	THCS Đỗ Văn Dậy	HÓC MÔN	NHÌ
688	Sinh học	Thái Bảo	Nghi	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
689	Sinh học	Nguyễn Trọng	Nhân	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
690	Sinh học	Phạm Ngọc Thiên	Quý	9A7	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHÌ
691	Sinh học	Đỗ Lê Phúc	Thịnh	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
692	Sinh học	Văn Thị	Uyên	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
693	Sinh học	Phạm Trung	Anh	9/4	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	NHÌ
694	Sinh học	Trương Quỳnh	Lan	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
695	Sinh học	Nguyễn Minh	Nguyệt	9A6	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
696	Sinh học	Bùi Hồng	Phương	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
697	Sinh học	Đào Vũ Linh	Phương	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
698	Sinh học	Nguyễn Minh	Thư	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
699	Sinh học	Nguyễn Minh	Tuấn	9A9	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
700	Sinh học	Ngô Bình Diên	Chính	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
701	Sinh học	Nguyễn Phạm Ngân	Hà	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
702	Sinh học	Lê Xuân	Hằng	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
703	Sinh học	Trần Đăng	Khoa	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
704	Sinh học	Đinh Thị Ánh	Linh	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
705	Sinh học	Nguyễn Mỹ	Linh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	NHÌ

706	Sinh học	Hồ Trần Ngọc	Minh	9A8	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
707	Sinh học	Vương Thiệu	Nhân	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	NHÌ
708	Sinh học	Võ Yến	Nhi	9TC	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	NHÌ
709	Sinh học	Nguyễn Triệu Ngọc	Thanh	9A8	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
710	Sinh học	Nguyễn Đức	Thiện	9TC1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	NHÌ
711	Sinh học	Nguyễn Tường	Ân	9/1	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
712	Sinh học	Phạm Xuân Đức	Anh	9/15	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	NHÌ
713	Sinh học	La Quốc	Bảo	9/4	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
714	Sinh học	Lê Ngọc	Khanh	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
715	Sinh học	Lê Ngọc Khánh	Linh	9A	Song ngữ Quốc tế Horizon	QUẬN 2	NHÌ
716	Sinh học	Đỗ Thị Thủy	Nga	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	NHÌ
717	Sinh học	Võ Thành	Tài	9A8	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
718	Sinh học	Phạm Trung	Tín	9/6	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	NHÌ
719	Sinh học	Dư Đặng Mỹ	Anh	9A9	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
720	Sinh học	Nguyễn Hữu	Nguyên	9/6	THCS Phan Công Hớn	HÓC MÔN	NHÌ
721	Sinh học	Võ Như	Nguyệt	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
722	Sinh học	Đặng Bá	Thành	91	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
723	Sinh học	Dương Thị Thanh	Thúy	9/2	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	NHÌ
724	Sinh học	Lê Nguyễn Khánh	Trâm	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
725	Sinh học	Lê Phi	Anh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	NHÌ
726	Sinh học	Đào Võ Linh	Chi	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
727	Sinh học	Lê Nguyễn Thùy	Dương	9/3	THCS Yên Thế	BÌNH THẠNH	NHÌ
728	Sinh học	Nguyễn Thị Mai	Hân	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	NHÌ
729	Sinh học	Vũ Đình Mai	Hân	9A3	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	NHÌ
730	Sinh học	Nguyễn Đăng	Khoa	9/7	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	NHÌ
731	Sinh học	Tạ Kim	Ngân	9A9	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	NHÌ
732	Sinh học	Hồ Ái	Nhi	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
733	Sinh học	Huỳnh Hoàng	Nhiên	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	NHÌ
734	Sinh học	Hình Văn Tú	Phương	9A15	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
735	Sinh học	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	9/6	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	NHÌ
736	Sinh học	Văn Đoàn Đoàn	Trang	9/1	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	NHÌ
737	Sinh học	Trương Thị Thúy	Vy	9/6	THCS Lý Tự Trọng	GÒ VẤP	NHÌ
738	Sinh học	Đàm Nguyễn Phương	Anh	9A16	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
739	Sinh học	Đình Thành	Đạt	9.13	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	NHÌ
740	Sinh học	Võ Thiên	Hào	9A12	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	NHÌ
741	Sinh học	Thạch Hoàng	Khang	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	NHÌ
742	Sinh học	Thái Vương Gia	Khánh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	NHÌ
743	Sinh học	Vũ Ngọc	Ngân	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHÌ
744	Sinh học	Mai Nguyễn Phương	Nhi	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
745	Sinh học	Nguyễn Thị Như	Phương	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
746	Sinh học	Phạm Thùy Minh	Trang	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
747	Sinh học	Phan Ngọc Diễm	Trình	9/12	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
748	Sinh học	Phạm Minh	Anh	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
749	Sinh học	Trịnh Lê Tuấn	Anh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	BA
750	Sinh học	Trần Thanh	Thư	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
751	Sinh học	Nguyễn Trần Gia	Bảo	9/1	THPT Hermann Gmeiner	GÒ VẤP	BA
752	Sinh học	Nguyễn Quỳnh	Chi	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
753	Sinh học	Đặng Trần Thực	Minh	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
754	Sinh học	Nguyễn Phước	Sang	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
755	Sinh học	Nguyễn Tấn	Tài	9A1	THCS Lý Phong	QUẬN 5	BA
756	Sinh học	Trần Minh	Thiện	9A3	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	BA
757	Sinh học	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	9/6	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	BA
758	Sinh học	Phạm Thị Tường	Vy	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
759	Sinh học	Lê Nguyễn Ngọc	Ánh	9A9	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
760	Sinh học	Thái Nhã	Chi	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
761	Sinh học	Vương Trần Hoài	Diễm	9/3	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	BA
762	Sinh học	Phạm Vân	Hà	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
763	Sinh học	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
764	Sinh học	Nguyễn Huỳnh Quang	Khánh	9/1	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	BA

765	Sinh học	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
766	Sinh học	BUI QUANG	LÊ	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	BA
767	Sinh học	Bùi Phan	Minh	9A2	THCS Tân Phú	QUẬN 9	BA
768	Sinh học	Trần Đông	Nghi	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
769	Sinh học	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	9A9	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	BA
770	Sinh học	Trịnh Ngọc	Nhi	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	BA
771	Sinh học	Bùi Cẩm Phi	Quân	9/9	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	BA
772	Sinh học	Đặng Thanh	Thảo	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
773	Sinh học	Ngô Anh	Thư	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
774	Sinh học	Dương Mạnh	Tín	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	BA
775	Sinh học	Trương Quốc	Vinh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
776	Sinh học	Vũ Nguyễn Tuấn	Anh	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
777	Sinh học	Đỗ Thái	Hà	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
778	Sinh học	Hoàng Thái	Hà	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
779	Sinh học	Đoàn Ngọc Khánh	Hân	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	BA
780	Sinh học	Dương Thảo	Khanh	9A16	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
781	Sinh học	TRINH QUỐC	NAM	9.2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
782	Sinh học	Dương Thị Thanh	Như	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	BA
783	Sinh học	Phạm Minh Nguyệt	Quốc	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
784	Sinh học	Đặng Trần Minh	Thắng	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
785	Sinh học	Lê Anh	Thảo	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
786	Sinh học	Lương Thị	ThuNgân	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
787	Sinh học	Huỳnh Ngọc Hương	Trâm	9/2	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
788	Sinh học	Châu Gia	Tuấn	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
789	Sinh học	Trương Kim	Bảo	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
790	Sinh học	Nguyễn Hồng Gia	Hân	9/11	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	BA
791	Sinh học	Huỳnh Thanh	Huy	9A3	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	BA
792	Sinh học	Trần Thiên	Kim	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
793	Sinh học	Trần Phương	Linh	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
794	Sinh học	Lương Nguyễn Ngọc	Minh	9A1	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	BA
795	Sinh học	Nguyễn Lê Thiên	Minh	9A13	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
796	Sinh học	Phùng Trần Việt	Mỹ	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	BA
797	Sinh học	Phạm Thị Bích	Ngân	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	BA
798	Sinh học	Nguyễn Văn	Phát	9.1	THCS Trần Quốc Toàn	BÌNH TÂN	BA
799	Sinh học	Hồ Ngọc Bảo	Phương	9A7	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	BA
800	Sinh học	Nguyễn Thụy Như	Phương	9a8	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
801	Sinh học	BUI DUY	THẮNG	9.2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
802	Sinh học	Lê Hoài	Thanh	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
803	Sinh học	Trần Nhâm Phương	Thùy	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	BA
804	Sinh học	Dương Lê Trí	Tín	9A7	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	BA
805	Sinh học	Nguyễn Thảo	Vy	9A2	THCS Tân Phú	QUẬN 9	BA
806	Sinh học	Bùi Thị Thúy	An	9/1	THCS Thị Trấn	CỦ CHI	BA
807	Sinh học	Nguyễn Bảo	Anh	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	BA
808	Sinh học	Nguyễn Tuấn	Dũng	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	BA
809	Sinh học	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DUY	9.3	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
810	Sinh học	Phan Trần Lâm	Duy	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
811	Sinh học	HUỲNH CHIÊM	HÀO	9.2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
812	Sinh học	Lê Nguyễn Gia	Huy	93	THCS Colette	QUẬN 3	BA
813	Sinh học	Đặng Anh	Khoa	9/1	THCS Thị Trấn	CỦ CHI	BA
814	Sinh học	Trương Tất	Kiệt	9A4	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	BA
815	Sinh học	Nguyễn Thị Hồng	Như	9A4	THCS Nguyễn Văn Quý	NHÀ BÈ	BA
816	Sinh học	Trần Minh	Phúc	9A1	THCS Hưng Bình	QUẬN 9	BA
817	Sinh học	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
818	Sinh học	TRƯƠNG THỊ PHƯỢNG	SANG	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	BA
819	Sinh học	Võ Tiến	Tài	9/2	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	BA
820	Sinh học	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	9A2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
821	Sinh học	Dương Mỹ	Tiên	9A16	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
822	Sinh học	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	9A7	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	BA
823	Sinh học	Nguyễn Hữu	Tuấn	9/15	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	BA

824	Sinh học	Nguyễn Tường	Vy	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	BA
825	Sinh học	Nguyễn Bá Hoàng	Anh	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
826	Sinh học	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	9A7	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	BA
827	Sinh học	Tăng Kim	Anh	9/1	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	BA
828	Sinh học	Tạ Hồng	Gấm	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
829	Sinh học	Nguyễn Ngô Quý	Lâm	9/3	THCS Thị trấn	CỦ CHI	BA
830	Sinh học	Séng	My	9A1	THCS - THPT Đức Trí	PHÚ NHUẬN	BA
831	Sinh học	Huỳnh Kim	Ngọc	9/3	THCS Hưng Long	BÌNH CHÁNH	BA
832	Sinh học	Nguyễn Ngọc	Nhi	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	BA
833	Sinh học	Nguyễn Tuyết	Nhi	9/11	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
834	Sinh học	NGUYỄN THUY KIM	NHU	9-6	THCS Đông Đen	BÌNH CHÁNH	BA
835	Sinh học	Đặng Thị Như	Phúc	9A10	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
836	Sinh học	Nguyễn Minh	Quân	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
837	Sinh học	Nguyễn Trần Anh	Thư	9/1	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	BA
838	Sinh học	Võ Hoàng Minh	Thư	9/12	THCS Phan Công Hớn	HÓC MÔN	BA
839	Sinh học	Lê Hoàng Mỹ	Tường	9/9	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	BA
840	Sinh học	Nguyễn Thị Phương	Uyên	9/7	THCS Đông Thạnh	HÓC MÔN	BA
841	Sinh học	Nguyễn Cao Hải	Vy	9.3	THPT Mùa Xuân	BÌNH THẠNH	BA
842	Tin học	Bùi Nguyễn Đức	Tân	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
843	Tin học	Thái Bội	Bội	9/2	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	NHẤT
844	Tin học	Từ Thanh	Huy	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHẤT
845	Tin học	Lưu Nguyễn Nhật	Khang	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHẤT
846	Tin học	Vũ Ngọc Quốc	Khánh	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHẤT
847	Tin học	Trương Bình	Minh	9/2	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	NHẤT
848	Tin học	Lê Trung	Nghĩa	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHẤT
849	Tin học	Võ Thành	Nghĩa	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
850	Tin học	Nguyễn Hoàng	Phúc	9A2	THCS Điện Biên	BÌNH THẠNH	NHẤT
851	Tin học	Trần Nguyễn	Sinh	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
852	Tin học	Huỳnh Ngọc	Trang	9A2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHẤT
853	Tin học	Nguyễn Thành	An	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
854	Tin học	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
855	Tin học	Hoàng Trương Tiến	Đạt	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
856	Tin học	Bùi Lê Gia	Huy	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
857	Tin học	Trần Đăng	Khương	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
858	Tin học	Phạm Võ Tuấn	Kiệt	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHÌ
859	Tin học	Trần Thành	Long	9/8	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
860	Tin học	Nguyễn Vũ	Nam	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	NHÌ
861	Tin học	Đào Hải	Nguyên	9/4	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHÌ
862	Tin học	Nguyễn Xuân	Sơn	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	NHÌ
863	Tin học	Nguyễn Lương	Thắng	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
864	Tin học	Nguyễn Lương Thế	Vinh	9A14	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
865	Tin học	Ngô Anh	Duy	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	NHÌ
866	Tin học	Nguyễn Nhật	Hiên	9/4	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	NHÌ
867	Tin học	Phan Nguyễn Nhật	Linh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
868	Tin học	Phan Hải	Minh	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
869	Tin học	Phan Tuấn	An	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	NHÌ
870	Tin học	Hồ Nhật Ngân	Anh	9/8	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	NHÌ
871	Tin học	Ngô Tùng	Chương	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	NHÌ
872	Tin học	Lâm Xuân	Hùng	9/8	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
873	Tin học	Lê Gia	Huy	9/7	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	NHÌ
874	Tin học	Phạm Gia	Huy	9/13	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	NHÌ
875	Tin học	Trần Nguyên Đăng	Khoa	9P	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
876	Tin học	Phan Nguyễn Tuấn	Minh	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
877	Tin học	Trần Hoàng Anh	Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
878	Tin học	Lê Văn	Niềm	9/1	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	NHÌ
879	Tin học	Nguyễn Phạm Minh	Quân	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
880	Tin học	Trần Quang	Thái	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
881	Tin học	Phạm Thạch Thanh	Trúc	9A10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHÌ
882	Tin học	Từ Thuận	Văn	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHÌ

883	Tin học	Hứa Nguyễn Tường	Vy	9.6	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	NHÌ
884	Tin học	Trần Lê Hoàng	Yến	9/11	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	NHÌ
885	Tin học	Lữ Gia	Bảo	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	NHÌ
886	Tin học	Lê Minh	Duy	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
887	Tin học	Cao Quang Nhật	Khoa	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
888	Tin học	Nguyễn Đình Minh	Tâm	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	NHÌ
889	Tin học	Nguyễn Phùng Khánh	Trình	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
890	Tin học	Phạm Lê Tường	Vy	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
891	Tin học	Lưu Kiều	Nhi	9/2	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	BA
892	Tin học	Lưu Quốc	Bảo	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
893	Tin học	Nguyễn Lê Anh	Đức	9A3	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
894	Tin học	Nguyễn Quang	Hưng	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
895	Tin học	Lê Nguyễn Thiên	Kim	9/1	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	BA
896	Tin học	Hứa Hoàng	Nhật	9/2	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	BA
897	Tin học	Đoàn Anh	Tuấn	9A6	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
898	Tin học	Chống Lê	Vân	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	BA
899	Tin học	Nguyễn Anh	Vũ	9/3	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
900	Tin học	Lê Cẩm	Vy	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	BA
901	Tin học	Lê Duy	Anh	9/9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
902	Tin học	Nguyễn Phước Quý Nhật	Anh	9.11	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	BA
903	Tin học	Trần Chí	Dũng	9A1	THCS Trần Danh Ninh	QUẬN 8	BA
904	Tin học	Huỳnh Minh	Hoàng	9/7	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	BA
905	Tin học	Phạm Huỳnh Thanh	Hưng	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
906	Tin học	Phạm Lê Tuấn	Kiệt	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
907	Tin học	Hồ Trần Ngọc	Liêm	9A2	THCS Nguyễn An Khương	HỐC MÔN	BA
908	Tin học	Lê	Toàn	9A8	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
909	Tin học	Trần Nguyễn Bảo	Trâm	9/4	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	BA
910	Tin học	Lê Nguyễn Chân	Trân	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
911	Tin học	Nguyễn Vương Quỳnh	Trang	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
912	Tin học	Lưu Phúc	An	9/5	THCS Xuân Trường	THỦ ĐỨC	BA
913	Tin học	Nguyễn Thế	Anh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
914	Tin học	Võ Thị Kim	Anh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	BA
915	Tin học	Nguyễn Đức Thành	Công	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
916	Tin học	Nguyễn Quốc	Đại	9/5	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	BA
917	Tin học	Đào Hải	Đảng	9A2	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
918	Tin học	Lâm Quang	Dũng	9A4	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
919	Tin học	Nguyễn Trần Đình	Huy	9/2	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	BA
920	Tin học	Trần Đức	Huy	9A4	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	QUẬN 11	BA
921	Tin học	Quách Hữu	Khang	9/3	THCS Phú Định	QUẬN 6	BA
922	Tin học	Huỳnh Đăng	Khanh	9A2	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	BA
923	Tin học	Lê Nguyễn Lâm	Khoa	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
924	Tin học	Nguyễn Trung	Kiên	9TC4	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
925	Tin học	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	9/8	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
926	Tin học	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	9/1	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	BA
927	Tin học	Lý Đình Minh	Mẫn	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
928	Tin học	Đỗ Hoàng	Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
929	Tin học	Trần Nhật	Minh	9A3	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	BA
930	Tin học	Trần Thu	Ngân	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
931	Tin học	Huỳnh Bảo	Nguyên	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	BA
932	Tin học	Lê Tấn	Phát	9/7	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	BA
933	Tin học	Trần Chí	Phong	9/9	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	BA
934	Tin học	Nguyễn Trung	Quân	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
935	Tin học	Tăng Kim	Sơn	9A10	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	BA
936	Tin học	Nguyễn Lê Hoàng	Thiên	9A3	THCS Đức Trí	QUẬN 1	BA
937	Tin học	Nguyễn Khánh	Thiện	9/3	THCS Đỗ Văn Dậy	HỐC MÔN	BA
938	Tin học	Nguyễn Quang	Trí	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
939	Tin học	Bùi Minh	Triết	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
940	Tin học	Nguyễn Đức	Trung	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
941	Tin học	Nguyễn Gia	Vĩ	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA

942	Tin học	Nguyễn Đình Tường	Vy	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
943	Ngữ Văn	Trần Thị Thu	Sương	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHẤT
944	Ngữ Văn	Lê Thị Kim	Hương	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	NHẤT
945	Ngữ Văn	Phạm Thị Mỹ	Nguyên	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHẤT
946	Ngữ Văn	Mai Thị Hồng	Ánh	9/3	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	NHẤT
947	Ngữ Văn	Mai Thị Quỳnh	Như	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHẤT
948	Ngữ Văn	Vương Quế	Phương	9A2	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHẤT
949	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Bảo	Thư	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHẤT
950	Ngữ Văn	PHẠM HOANG MINH	TRANG	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
951	Ngữ Văn	Hồ Lê Hoàng	Trúc	9/3	THCS Võ Văn Vân	BÌNH CHÁNH	NHẤT
952	Ngữ Văn	Phan La Phương	Uyên	9/1	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	NHẤT
953	Ngữ Văn	Trần Phương	Dung	9/4	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHẤT
954	Ngữ Văn	Nguyễn Phạm Minh	Thy	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	NHẤT
955	Ngữ Văn	Hoàng Đào Mỹ	Duyên	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHẤT
956	Ngữ Văn	Trần Đình Trúc	Linh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHẤT
957	Ngữ Văn	Huỳnh Kim	Ngọc	9/8	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	NHẤT
958	Ngữ Văn	Nguyễn Hồ Huyền	Ngọc	9/8	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	NHẤT
959	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Kim	Quỳnh	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	NHẤT
960	Ngữ Văn	Phạm Ngọc	Trâm	9A8	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	NHẤT
961	Ngữ Văn	Lai Ngọc Trâm	Anh	9_12	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
962	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Phi	Thanh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHẤT
963	Ngữ Văn	Vũ Ngọc Kim	Thy	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHẤT
964	Ngữ Văn	Nguyễn Vũ Tường	Vy	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHẤT
965	Ngữ Văn	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	9A3	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	NHẤT
966	Ngữ Văn	Nguyễn Phúc	Duyệt	9A2	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
967	Ngữ Văn	Hồ Thị Ngọc	Hà	9/3	THCS Khánh Bình	QUẬN 8	NHẤT
968	Ngữ Văn	Hà Gia	Lợi	9/8	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	NHẤT
969	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	9/1	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	NHẤT
970	Ngữ Văn	Trần Thiên	Ngân	9A1	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	NHẤT
971	Ngữ Văn	VÕ NGỌC KIM	NGÂN	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHẤT
972	Ngữ Văn	Hoàng	Ngọc	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHẤT
973	Ngữ Văn	Trương Ngọc Uyên	Phương	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHẤT
974	Ngữ Văn	Phạm Lê Tịnh	Nhi	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
975	Ngữ Văn	Nguyễn Hải	Minh	9A5	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	NHẤT
976	Ngữ Văn	Đinh Hoàng Bảo	Ngọc	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	NHẤT
977	Ngữ Văn	Nguyễn Điền Thảo	Nguyên	9A2	THCS Bình An	QUẬN 8	NHẤT
978	Ngữ Văn	Nguyễn Thị	Thắm	9A3	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	NHÌ
979	Ngữ Văn	Ngô Anh	Thư	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	NHÌ
980	Ngữ Văn	Nguyễn Huỳnh	Thức	9/8	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	NHÌ
981	Ngữ Văn	Trần Lê Thanh	Thúy	9A8	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	NHÌ
982	Ngữ Văn	Trần Ngọc Thủy	Tiên	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	NHÌ
983	Ngữ Văn	Trần Thượng	Triều	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
984	Ngữ Văn	Trần Ngọc Vân	Anh	9A4	THCS An Nhơn Tây	CỦ CHI	NHÌ
985	Ngữ Văn	Trần Phúc Phương	Anh	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
986	Ngữ Văn	Huỳnh Lưu Ngọc	Châu	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
987	Ngữ Văn	Nguyễn Đan	Dung	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
988	Ngữ Văn	Hồ Nguyễn Khánh	Linh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHÌ
989	Ngữ Văn	Cao Hồng	Ngọc	9A6	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	NHÌ
990	Ngữ Văn	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
991	Ngữ Văn	Hà Ngọc Khánh	Nguyên	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
992	Ngữ Văn	Võ Thị Thái	Phương	9A2	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	NHÌ
993	Ngữ Văn	Vũ Phương	San	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
994	Ngữ Văn	Đặng Vĩ Cát	Tường	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
995	Ngữ Văn	Cao Thùy	Vy	9/6	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	NHÌ
996	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	NHÌ
997	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Chi	Lan	93	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
998	Ngữ Văn	Thái Ngọc	Linh	9A1	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	NHÌ
999	Ngữ Văn	Trần Nguyễn Phương	Linh	9A9	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	NHÌ
1000	Ngữ Văn	Trần Triệu	Minh	9A2	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	NHÌ

1001	Ngữ Văn	Bùi Thị Kim	Ngân	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ
1002	Ngữ Văn	Nguyễn Đức Thảo	Ngân	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1003	Ngữ Văn	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	9/2	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1004	Ngữ Văn	Nguyễn Lâm Gia	An	9A2	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
1005	Ngữ Văn	Lê Thị Thanh	Nhàn	9/5	THCS Xuân Trường	THỦ ĐỨC	NHÌ
1006	Ngữ Văn	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	9/2	THCS Trương Văn Ngu	THỦ ĐỨC	NHÌ
1007	Ngữ Văn	Trần Thanh	Thanh	92	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
1008	Ngữ Văn	Lê Thị Thanh	Thiện	9/1	THCS Tân Thông Hội	CỦ CHI	NHÌ
1009	Ngữ Văn	NGÔ MINH	THƯ	9.3	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1010	Ngữ Văn	Vũ Đình Anh	Thy	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
1011	Ngữ Văn	HỒ THỊ THỦY	TIỀN	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHÌ
1012	Ngữ Văn	Lê Thiên Thuỷ	Tiên	9/6	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	NHÌ
1013	Ngữ Văn	Nguyễn Lê Minh	Trang	9A1	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	NHÌ
1014	Ngữ Văn	Nguyễn Như	Trang	9/1	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	NHÌ
1015	Ngữ Văn	Lại Trần Thanh	Trúc	9A10	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
1016	Ngữ Văn	Trần Thị Kim	Trúc	9A6	THCS Tân Nhựt	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1017	Ngữ Văn	Tổng Đặng Khánh	Vinh	9A2	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	NHÌ
1018	Ngữ Văn	Tạ Trần Hoàng	Anh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	NHÌ
1019	Ngữ Văn	Trương Thị	Bình	9A2	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHÌ
1020	Ngữ Văn	Liêu Vĩnh	Bội	9.9	THCS An Lạc	BÌNH TÂN	NHÌ
1021	Ngữ Văn	Lê Hồng	Châu	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHÌ
1022	Ngữ Văn	Trần Hoàng Bảo	Châu	9TC1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	NHÌ
1023	Ngữ Văn	NÌM KHẢ	DOANH	9a3	THCS Đa Phước	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1024	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Kỳ	Duyên	9A5	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	NHÌ
1025	Ngữ Văn	Bùi Kim Quỳnh	Giang	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	NHÌ
1026	Ngữ Văn	Lê Thị Hải	Hà	9/9	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	NHÌ
1027	Ngữ Văn	Vũ Thu	Hiền	9A1	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
1028	Ngữ Văn	Phạm Thị	Huyền	9.8	THCS Huỳnh Văn Nghệ	BÌNH TÂN	NHÌ
1029	Ngữ Văn	Trần Minh	Kha	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	NHÌ
1030	Ngữ Văn	Nguyễn Thanh Ngọc	Kim	9A1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	NHÌ
1031	Ngữ Văn	Phạm Ngọc Khánh	Linh	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1032	Ngữ Văn	Huỳnh Kim	Ngân	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHÌ
1033	Ngữ Văn	Đinh Phạm Bảo	Nghi	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1034	Ngữ Văn	Nguyễn Tuệ	Nghi	9/4	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	NHÌ
1035	Ngữ Văn	Trần Vinh	Nghi	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1036	Ngữ Văn	Châu Nguyễn Bích	Ngọc	9/4	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	NHÌ
1037	Ngữ Văn	NGUYỄN BÙI HỒNG	NGỌC	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHÌ
1038	Ngữ Văn	Trương Gia Bảo	Ngọc	9A2	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
1039	Ngữ Văn	Đặng Thị Quỳnh	Như	9A1	THCS Trường Sơn	GÒ VẤP	NHÌ
1040	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
1041	Ngữ Văn	Trần Quỳnh	Phương	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1042	Ngữ Văn	Trần Thụy Quỳnh	Phương	9/1	THCS Đặng Tấn Tài	QUẬN 9	NHÌ
1043	Ngữ Văn	Nguyễn Hồng Tuyết	Quỳnh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	NHÌ
1044	Ngữ Văn	Trần Trúc	Quỳnh	9A6	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
1045	Ngữ Văn	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	9A6	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	NHÌ
1046	Ngữ Văn	Nguyễn Thanh	Trúc	9/1	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHÌ
1047	Ngữ Văn	Nguyễn Dương Bảo	Hân	9A1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	NHÌ
1048	Ngữ Văn	Trần Thanh Bảo	Hân	9/7	TH, THCS VÀ THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 1	NHÌ
1049	Ngữ Văn	Kien Minh	Anh	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
1050	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Vân	Anh	9/1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
1051	Ngữ Văn	Đào Nguyễn Phương	Thảo	9A9	THCS Độc Lập	PHÚ NHUẬN	BA
1052	Ngữ Văn	Vũ Phan Hoàng	Thi	9A1	THCS Trường Sơn	GÒ VẤP	BA
1053	Ngữ Văn	Lê Xuân	Thiện	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
1054	Ngữ Văn	Phạm Minh	Thư	95	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	BA
1055	Ngữ Văn	Tô Ninh Thanh	Thư	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1056	Ngữ Văn	Nguyễn Đỗ Mến	Thương	9A3	THCS Tăng Bạt Hổ A	QUẬN 4	BA
1057	Ngữ Văn	Bùi Ngọc Minh	Thy	9A2	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	BA
1058	Ngữ Văn	Nguyễn Hoàng Nhật	Tiên	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1059	Ngữ Văn	Văn Mỹ	Uyên	9A8	THCS Phong Phú	BÌNH CHÁNH	BA

1060	Ngữ Văn	Lâm Bảo	Vân	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1061	Ngữ Văn	Phạm Thúy	Vy	9A1	THCS Trường Sơn	GÒ VẤP	BA
1062	Ngữ Văn	TRƯƠNG THÁI	ANH	9.4	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
1063	Ngữ Văn	Nguyễn Việt	Bằng	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1064	Ngữ Văn	Trần Ngọc Minh	Châu	9/4	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	BA
1065	Ngữ Văn	Quách Thị Thùy	Dương	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	BA
1066	Ngữ Văn	Vũ Trà	Giang	9A5	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	BA
1067	Ngữ Văn	Trần Nguyễn Kim	Hoàn	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1068	Ngữ Văn	Nguyễn Thu	Ngân	9A7	THCS Tăng Bạt Hổ A	QUẬN 4	BA
1069	Ngữ Văn	Đỗ Nguyễn Bảo	Ngọc	9/8	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1070	Ngữ Văn	Phan Thị Tố	Như	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
1071	Ngữ Văn	Từ Ngọc Thanh	Như	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1072	Ngữ Văn	Nguyễn Minh	Phương	9/4	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	BA
1073	Ngữ Văn	Võ Thùy Diễm	Quyên	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	BA
1074	Ngữ Văn	Lâm Như	Quỳnh	9/7	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	BA
1075	Ngữ Văn	Nguyễn Xuân	Quỳnh	9/1	THCS Đặng Tân Tài	QUẬN 9	BA
1076	Ngữ Văn	Lê Nguyễn Bảo	Anh	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
1077	Ngữ Văn	Nguyễn Võ Thanh	Trúc	9/4	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	BA
1078	Ngữ Văn	Võ Hoàng	Duy	9A8	THCS Lý Phong	QUẬN 5	BA
1079	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	9A10	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
1080	Ngữ Văn	Châu Tú	Mai	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
1081	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Thanh	Phương	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1082	Ngữ Văn	Huỳnh Ngọc Khánh	An	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
1083	Ngữ Văn	Nguyễn Phạm Mỹ	An	9/6	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
1084	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
1085	Ngữ Văn	Lê Huỳnh Thảo	Nhi	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
1086	Ngữ Văn	Nguyễn Quý Phương	Nhi	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1087	Ngữ Văn	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	BA
1088	Ngữ Văn	Võ Kim	Thi	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
1089	Ngữ Văn	Dương Đức	Thịnh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	BA
1090	Ngữ Văn	Phạm Hồng Thanh	Thư	9/6	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	BA
1091	Ngữ Văn	Phạm Huỳnh Anh	Thư	9/2	THCS Trương Văn Ngu	THỦ ĐỨC	BA
1092	Ngữ Văn	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1093	Ngữ Văn	Dư Thị Thu	Trang	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
1094	Ngữ Văn	Nguyễn Võ Hương	Trúc	9A1	THCS Tân Thạnh Tây	CỦ CHI	BA
1095	Ngữ Văn	Trần Mai	Trúc	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1096	Ngữ Văn	Dương Ngọc Kim	Uyên	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1097	Ngữ Văn	Ngô Nguyễn Gia	Uyên	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
1098	Ngữ Văn	Khổng Trúc Anh	Vy	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1099	Ngữ Văn	Nguyễn Ánh	Vy	9A2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
1100	Ngữ Văn	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
1101	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1102	Ngữ Văn	HỒ LÊ HỒNG	ÁNH	9.2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
1103	Ngữ Văn	Hầu Trịnh Đông	Các	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
1104	Ngữ Văn	Trần Ngọc Cẩm	Châu	9A2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
1105	Ngữ Văn	Đỗ Trần Phương	Dung	9/6	THCS Tân Thông Hội	CỦ CHI	BA
1106	Ngữ Văn	Nguyễn Thùy	Dương	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
1107	Ngữ Văn	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1108	Ngữ Văn	Ngô Thị Mỹ	Duyên	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	BA
1109	Ngữ Văn	Đào Lê Tịnh	Giang	9/13	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	BA
1110	Ngữ Văn	Nguyễn Quốc	Hân	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	BA
1111	Ngữ Văn	Trần Thế	Hào	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1112	Ngữ Văn	Châu Ngọc	Hiếu	9A2	THCS Long Trường	QUẬN 9	BA
1113	Ngữ Văn	Nguyễn Hoài Minh	Hoa	9A1	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	BA
1114	Ngữ Văn	Lê Nguyễn Bảo	Hưng	9A14	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1115	Ngữ Văn	Nguyễn Hồng Bảo	Khanh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1116	Ngữ Văn	Trần Nguyễn Giang	Linh	9A1	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	BA
1117	Ngữ Văn	Lâm Hoàng	My	9A11	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
1118	Ngữ Văn	Nguyễn Vũ Giáng	My	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	BA

1119	Ngữ Văn	Đào Phương	Ngân	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
1120	Ngữ Văn	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	9A4	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	BA
1121	Ngữ Văn	Phạm Kim	Ngân	9A1	THCS Trường Sơn	GÒ VẤP	BA
1122	Ngữ Văn	Huỳnh Hân Gia	Nghiêm	9/5	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	BA
1123	Ngữ Văn	Hà Minh	Ngọc	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1124	Ngữ Văn	Lương Thị Anh	Ngọc	9A3	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	BA
1125	Ngữ Văn	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ngọc	9.5	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	BA
1126	Ngữ Văn	Đoàn Thạch Thảo	Nguyên	9/5	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	BA
1127	Ngữ Văn	Võ Hoàng Diệp	Nhi	9A1	THCS Tân Phú	QUẬN 9	BA
1128	Ngữ Văn	Nguyễn	Nhu	9/9	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1129	Ngữ Văn	Dương Trần Tuệ	Như	9/10	THCS Đông Thạnh	HÓC MÔN	BA
1130	Ngữ Văn	Lê Hồng	Phúc	9/9	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	BA
1131	Ngữ Văn	Hồ Minh	Phương	9A12	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
1132	Ngữ Văn	Trần Lê Như	Phượng	9/2	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1133	Ngữ Văn	Nguyễn Hoàng	Quân	9A16	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1134	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Nam	Quỳnh	9/2	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	BA
1135	Ngữ Văn	Phạm Thúy	Quỳnh	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	BA
1136	Ngữ Văn	Lê Huỳnh Thanh	Thủy	9/4	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	BA
1137	Ngữ Văn	PHẠM THỊ NAM	PHƯƠNG	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	BA
1138	Ngữ Văn	Hà Hồng	Anh	9A7	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	BA
1139	Ngữ Văn	Hoàng Lan	Anh	9A1	THCS Lý Phong	QUẬN 5	BA
1140	Ngữ Văn	Lê Thanh	Thảo	9A3	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	BA
1141	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Anh	Thi	9A2	THCS Bình An	QUẬN 8	BA
1142	Ngữ Văn	Phạm Vũ Anh	Thư	9A10	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
1143	Ngữ Văn	Đặng Ngọc Bảo	Trâm	9/4	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	BA
1144	Ngữ Văn	Nguyễn Phước Quý	Trân	9A1	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	BA
1145	Ngữ Văn	Trần Khánh	Trân	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	BA
1146	Ngữ Văn	Trần Ngọc Bảo	Trân	9A1	THCS Thăng Long	QUẬN 3	BA
1147	Ngữ Văn	Phạm Thu	Trang	9/2	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 2	BA
1148	Ngữ Văn	Dương Lê Minh	Uyên	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1149	Ngữ Văn	Phạm Nguyễn Thúy	Vi	9A2	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	BA
1150	Ngữ Văn	Dương Nguyễn Huyền	Diệu	9/4	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	BA
1151	Ngữ Văn	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	BA
1152	Ngữ Văn	Lê Thị Mỹ	Duyên	9/09	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
1153	Ngữ Văn	Dương Thị Hồng	Gấm	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1154	Ngữ Văn	Trần Nhật	Linh	9A2	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	BA
1155	Ngữ Văn	Trần Khuê	Minh	9/10	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1156	Ngữ Văn	Nguyễn Lê Tuyết	Nghi	9/1	THCS Nguyễn Minh Hoàng	QUẬN 11	BA
1157	Ngữ Văn	TRẦN HUÂN HỒNG	NGỌC	9.3	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
1158	Ngữ Văn	NGUYỄN MINH	PHÚC	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
1159	Lịch sử	Phạm Thị Thanh	Hiền	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHẤT
1160	Lịch sử	Nguyễn Minh	Anh	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1161	Lịch sử	Nguyễn Hoàng	Phúc	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	NHẤT
1162	Lịch sử	Nguyễn Hữu	Phúc	9.10	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	NHẤT
1163	Lịch sử	Phạm Quỳnh Minh	Trang	9A7	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	NHẤT
1164	Lịch sử	Lê Thanh	Sang	9-5	THCS Lê lợi	QUẬN 3	NHẤT
1165	Lịch sử	Nguyễn Văn	Tùng	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	NHẤT
1166	Lịch sử	Hồ Đoàn Bình	An	9A5	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	QUẬN 12	NHẤT
1167	Lịch sử	Phan Bá	Thọ	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	NHẤT
1168	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Khánh	Chi	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	NHẤT
1169	Lịch sử	Nguyễn Tấn	Cường	9A3	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	NHẤT
1170	Lịch sử	Trần Đại	Dương	9A10	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	NHẤT
1171	Lịch sử	Lê Thái	Hiền	9/8	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	NHẤT
1172	Lịch sử	NGUYỄN NHƯ	HUY	9.1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	NHẤT
1173	Lịch sử	Nguyễn Công	Khải	9/11	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHẤT
1174	Lịch sử	Đinh Khánh	Linh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHẤT
1175	Lịch sử	Phạm Đặng Quỳnh	Như	9/1	THCS Hưng Long	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1176	Lịch sử	LƯU THÁI	SƠN	9/5	THCS Nguyễn Văn Trỗi	QUẬN 2	NHÌ
1177	Lịch sử	Cao Hoàng	Long	9A6	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHÌ

1178	Lịch sử	Trương Tấn	Phát	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
1179	Lịch sử	Mai Bảo	Hân	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1180	Lịch sử	Huỳnh Minh	Hiển	9A2	THCS Văn Lang	QUẬN 1	NHÌ
1181	Lịch sử	Huỳnh Tấn	Phát	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHÌ
1182	Lịch sử	Trần Thị Thanh	Thanh	9A4	THCS Long Bình	QUẬN 9	NHÌ
1183	Lịch sử	Âu Hoàng	Duy	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHÌ
1184	Lịch sử	Đinh Thiên	Ân	9A2	THCS Bình An	QUẬN 8	NHÌ
1185	Lịch sử	Đỗ Thiên Minh	Thư	9/1	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	NHÌ
1186	Lịch sử	Phạm Anh	Thư	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	NHÌ
1187	Lịch sử	Đoàn Lý Diệu	Hạnh	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	NHÌ
1188	Lịch sử	Nguyễn Thanh	Lộc	9/6	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	NHÌ
1189	Lịch sử	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	9A2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHÌ
1190	Lịch sử	Trần Thị Hồng	Nhung	9/2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	NHÌ
1191	Lịch sử	Phạm Ngọc	Thảo	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	NHÌ
1192	Lịch sử	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	9A8	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	NHÌ
1193	Lịch sử	Nguyễn Hoàng Như	Lý	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	NHÌ
1194	Lịch sử	Huỳnh Thịnh	Phát	9/1	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	NHÌ
1195	Lịch sử	Lê Minh	Tiến	9/3	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	NHÌ
1196	Lịch sử	Trần Bình Minh	Triết	9A4	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHÌ
1197	Lịch sử	Lê Công	Tuấn	9A1	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	NHÌ
1198	Lịch sử	Lê Tùng	Dương	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	NHÌ
1199	Lịch sử	Phan Gia	Nguyên	9A1	THCS Tân Thạnh Tây	CỦ CHI	NHÌ
1200	Lịch sử	Trương Thị Hồng	Nhi	9/7	THCS Đông Thạnh	HÓC MÔN	NHÌ
1201	Lịch sử	Huỳnh Ngọc Tổ	Như	9A3	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	NHÌ
1202	Lịch sử	Hoàng Minh	Nhật	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHÌ
1203	Lịch sử	Lý Đức	Tân	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHÌ
1204	Lịch sử	Nguyễn Phúc Uyên	Thanh	9A6	THCS Phong Phú	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1205	Lịch sử	Dương Thị Thanh	Thùy	9/1	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	NHÌ
1206	Lịch sử	Lê Thị Mỹ	Hương	9/9	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
1207	Lịch sử	Bùi Hải	Linh	9A8	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	NHÌ
1208	Lịch sử	Phạm Đức	Nghị	95	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
1209	Lịch sử	Phạm Duy	Anh	9/6	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1210	Lịch sử	Huỳnh Minh	Quang	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1211	Lịch sử	Trần Lê Phương	Quỳnh	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1212	Lịch sử	Hà Nguyễn Tấn	Tài	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1213	Lịch sử	Trần Võ Minh	Trí	9_12	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1214	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1215	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Thảo	Huyền	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1216	Lịch sử	Lê Thị Thùy	Linh	9A2	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	BA
1217	Lịch sử	Trần Nguyễn Phương	Nghi	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
1218	Lịch sử	Phan Mỹ	Ngọc	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
1219	Lịch sử	Nguyễn Thiên	An	9A4	THCS Phú Hòa Đông	CỦ CHI	BA
1220	Lịch sử	Trần Minh	Nhật	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
1221	Lịch sử	Lý Anh	Quân	9A5	THCS Kiên Thiết	QUẬN 3	BA
1222	Lịch sử	Phạm Tiến	Thành	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
1223	Lịch sử	Lê Phước	Thịnh	9A5	THCS Châu Văn Liêm	PHÚ NHUẬN	BA
1224	Lịch sử	ĐỖ TRUNG	TÍN	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
1225	Lịch sử	Lê Nguyễn Tường	Vy	9/13	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	BA
1226	Lịch sử	Lê Thị Kim	Vy	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
1227	Lịch sử	VŨ THỦY	DƯƠNG	9/5	THCS Thạnh Mỹ Lợi	QUẬN 2	BA
1228	Lịch sử	Nguyễn Văn	Hương	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1229	Lịch sử	Vũ Đức	Kha	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
1230	Lịch sử	Võ Văn	Kiệt	9/3	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1231	Lịch sử	Lý Hoài	Ngọc	9.9	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	BA
1232	Lịch sử	Trần Hồng Thiên	Ân	9A3	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1233	Lịch sử	Nguyễn Phương	Thảo	9A8	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	BA
1234	Lịch sử	Lê Thị Cẩm	Tú	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	BA
1235	Lịch sử	Huỳnh Ang Hải	Yến	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1236	Lịch sử	Trần Trung	Dũng	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	BA

1237	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	9A9	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	BA
1238	Lịch sử	Đào Được	Ngọc	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
1239	Lịch sử	Lê Kim	Phụng	9A5	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	BA
1240	Lịch sử	Nguyễn Thanh	Phương	9A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	BA
1241	Lịch sử	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1242	Lịch sử	Lê Minh	Trung	9A1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	BA
1243	Lịch sử	Châu Thanh	Tuyền	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
1244	Lịch sử	Nguyễn Thị Thảo	Vy	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
1245	Lịch sử	Huỳnh Nguyễn Bảo	Yến	9A2	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	BA
1246	Lịch sử	Phạm Trọng	Phúc	9A1	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	BA
1247	Lịch sử	Phạm Thị Ngọc	Bích	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
1248	Lịch sử	Phạm Cao Tiến	Đạt	9A1	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	BA
1249	Lịch sử	Lương Trùng	Dương	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
1250	Lịch sử	Võ Ngọc Cẩm	Hằng	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1251	Lịch sử	NGUYỄN THỊ THU	HUƠNG	9-8	THCS Đồng Đen	BÌNH CHÁNH	BA
1252	Lịch sử	Nguyễn Minh	Khôi	9/9	THCS Trần Hưng Đạo	QUẬN 12	BA
1253	Lịch sử	Hoàng Ngọc	Mai	9A1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	BA
1254	Lịch sử	Nguyễn Nhan Hoài	Nam	9A11	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1255	Địa lý	Phạm Gia	Huy	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	NHẤT
1256	Địa lý	Lê Thị Từ	Vy	9A4	THCS Nguyễn Văn Quý	NHÀ BÈ	NHẤT
1257	Địa lý	Yuen Vinh	Linh	9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	NHẤT
1258	Địa lý	Nguyễn Phi	Long	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	NHẤT
1259	Địa lý	PHAN LÊ KIỀU	ANH	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHẤT
1260	Địa lý	Nguyễn Bảo	Hân	9/4	THCS Minh Đức	QUẬN 1	NHẤT
1261	Địa lý	Lý Xuân	Mai	9A4	THCS Nguyễn Văn Quý	NHÀ BÈ	NHẤT
1262	Địa lý	Nguyễn Ngọc Hà	My	9A4	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	NHẤT
1263	Địa lý	Đặng Thanh	Nga	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	NHẤT
1264	Địa lý	Lê Triệu Hồng	Ngọc	9/5	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	NHẤT
1265	Địa lý	TRẦN ĐẶNG NGỌC	ÁNH	9.1	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	NHẤT
1266	Địa lý	Võ Quốc	Bửu	9A8	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	NHẤT
1267	Địa lý	Nguyễn Trường	Giang	9/9	THCS Minh Đức	QUẬN 1	NHẤT
1268	Địa lý	Trần Quang	Huy	9/6	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	NHẤT
1269	Địa lý	Nguyễn Bá Nhật	Quang	9/6	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHẤT
1270	Địa lý	Phạm Đặng Thảo	Vy	9A2	THCS Bình An	QUẬN 8	NHẤT
1271	Địa lý	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	9A3	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	NHẤT
1272	Địa lý	Hoàng Phương	Chi	9A6	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	NHẤT
1273	Địa lý	Nguyễn Minh	Khang	9A2	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	NHẤT
1274	Địa lý	Trần Kim	Liên	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	NHẤT
1275	Địa lý	Bùi Việt Phương	Linh	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
1276	Địa lý	Nguyễn Thúy Lan	Anh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHẤT
1277	Địa lý	Huỳnh Thị Hoàng	Linh	9A3	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	NHẤT
1278	Địa lý	Đặng Phi	Long	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	NHẤT
1279	Địa lý	Trần Ngọc Quỳnh	Trang	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHÌ
1280	Địa lý	Tất Ngọc Bích	Vân	9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	NHÌ
1281	Địa lý	Nguyễn Thiện Phương	Vy	9A2	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	NHÌ
1282	Địa lý	Nguyễn Thị Kim	Yến	9A1	THCS Phước Lộc	NHÀ BÈ	NHÌ
1283	Địa lý	Dương Hoàng Gia	Bảo	9.1	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	NHÌ
1284	Địa lý	Nguyễn Ngọc Thái	Bình	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
1285	Địa lý	Võ Nguyễn	Châu	9A3	THCS Lý Phong	QUẬN 5	NHÌ
1286	Địa lý	Lê Thị Diễm	Hằng	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
1287	Địa lý	Trần Thị Thu	Huyền	9/5	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	NHÌ
1288	Địa lý	Hoàng Lê	Khanh	9/8	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
1289	Địa lý	Đỗ Nguyễn Thảo	Nguyên	9A5	THCS Long Bình	QUẬN 9	NHÌ
1290	Địa lý	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhi	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	NHÌ
1291	Địa lý	Phan Thị Hoàng	Yến	9A5	THCS Long Bình	QUẬN 9	NHÌ
1292	Địa lý	Lê Gia	Bảo	9A2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 11	NHÌ
1293	Địa lý	Nguyễn Vĩnh Gia	Bảo	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	NHÌ
1294	Địa lý	Phan Thị Ngọc	Giàu	9/1	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	NHÌ
1295	Địa lý	Nguyễn Ngọc Quang	Hà	9A3	THCS Đức Trí	QUẬN 1	NHÌ

1296	Địa lý	Nguyễn Hoàng	Phúc	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	NHÌ
1297	Địa lý	DƯƠNG THỊ NGỌC	QUỲNH	9/12	THCS Xuân Thới Thượng	HỐC MÔN	NHÌ
1298	Địa lý	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	9A1	THCS Phan Sào Nam	QUẬN 3	NHÌ
1299	Địa lý	Nguyễn Minh	Trí	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
1300	Địa lý	Đào Ngọc Tường	Vy	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
1301	Địa lý	Nguyễn Hoàng	Dung	9/5	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	NHÌ
1302	Địa lý	Trần Nguyễn Gia	Huy	9A6	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	NHÌ
1303	Địa lý	Đinh Thị Khánh	Linh	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	NHÌ
1304	Địa lý	Nguyễn Diệu	Linh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1305	Địa lý	Nguyễn Thanh Phước	Lộc	9A3	THCS Nguyễn Đức Cảnh	QUẬN 6	NHÌ
1306	Địa lý	Nguyễn Anh	Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	NHÌ
1307	Địa lý	Hồ Thanh	Nam	9.1	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	NHÌ
1308	Địa lý	Nguyễn Cao Thanh	Ngân	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHÌ
1309	Địa lý	Nguyễn Hồng	Ngọc	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
1310	Địa lý	Võ Châu Khôi	Nguyên	9A6	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	NHÌ
1311	Địa lý	Võ Minh	Quân	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	NHÌ
1312	Địa lý	Bùi Hoàng Anh	Tú	94	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
1313	Địa lý	Trương Phan Hùng	Cường	9A2	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	NHÌ
1314	Địa lý	Phạm Đặng Huỳnh	Hoa	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1315	Địa lý	ĐẶNG HOÀNG	LAI	9A10	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1316	Địa lý	Nguyễn Huỳnh Kỳ	Lân	9/3	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	NHÌ
1317	Địa lý	NGUYỄN PHƯƠNG NHẢ	LINH	9.6	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	NHÌ
1318	Địa lý	Đinh Lâm Huyền	My	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	NHÌ
1319	Địa lý	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1320	Địa lý	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	NHÌ
1321	Địa lý	Nguyễn Văn	Tú	9/5	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1322	Địa lý	Trần Thị Bảo	Vy	9.1	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	NHÌ
1323	Địa lý	Nguyễn Hạnh Bảo	Hân	9/2	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	NHÌ
1324	Địa lý	Huỳnh Thị Ngọc	Hương	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	NHÌ
1325	Địa lý	Chung Thị Lan	Ngọc	9/5	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	NHÌ
1326	Địa lý	Nguyễn Thiên	Phúc	9/5	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
1327	Địa lý	Tô Tấn	Phát	9a1	THCS Nhuận Đức	CỦ CHI	NHÌ
1328	Địa lý	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	9A7	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	NHÌ
1329	Địa lý	Bùi Minh	Tuấn	9A3	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	NHÌ
1330	Địa lý	Dương Hoàng Tú	Uyên	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHÌ
1331	Địa lý	Triệu Kế	Đường	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	NHÌ
1332	Địa lý	Trương Anh	Kiệt	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	NHÌ
1333	Địa lý	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Mai	9A4	THCS Chi Lăng	QUẬN 4	NHÌ
1334	Địa lý	Lâm Nguyễn Gia	Minh	9A4	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	NHÌ
1335	Địa lý	Nguyễn Hữu Dũng	Nhân	9A11	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
1336	Địa lý	Lê Tấn	Phát	9/4	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	BA
1337	Địa lý	Trần Ngọc	Yến	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
1338	Địa lý	Lê Hoàng Bảo	Châu	9/3	THCS Minh Đức	QUẬN 1	BA
1339	Địa lý	Lưu Văn Tấn	Đạt	9A2	THCS Phạm Văn Cội	CỦ CHI	BA
1340	Địa lý	Hồ Ngọc Hương	Dương	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA
1341	Địa lý	Vũ Nguyễn Kỳ	Duyên	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1342	Địa lý	Phạm Gia	Kiệt	9/7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	BA
1343	Địa lý	Ngô Đặng Hoàng	Mai	9/1	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1344	Địa lý	Nguyễn Thị Kim	Ngân	9A9	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	BA
1345	Địa lý	Đặng Lâm Thế	Nhân	9A4	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	BA
1346	Địa lý	Ông Thiên	Phúc	9A3	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	BA
1347	Địa lý	Ve	Samy	9A10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
1348	Địa lý	HỒ NGỌC	BÍCH	9/11	THCS Xuân Thới Thượng	HỐC MÔN	BA
1349	Địa lý	Nguyễn Đức	Đạt	9A1	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1350	Địa lý	Võ Hoàng Vĩnh	Khánh	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1351	Địa lý	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	9A7	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
1352	Địa lý	Trần Bảo	Ngọc	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1353	Địa lý	Huỳnh Tấn	Phúc	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
1354	Địa lý	Trần Hoàng Trọng	Phước	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA

1355	Địa lý	Nguyễn Quang	Trọng	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1356	Địa lý	Lê Đức	Trung	9A2	THCS Tân Nhựt	BÌNH CHÁNH	BA
1357	Địa lý	Su Huỳnh Thảo	Vy	9.3	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
1358	Địa lý	Trần Như Quỳnh	Giang	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
1359	Địa lý	Đỗ Uyên	Khanh	9A1	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	BA
1360	Địa lý	Nguyễn Hữu	Nghĩa	9A2	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	BA
1361	Địa lý	Nguyễn Thiên	Ân	9A6	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	BA
1362	Địa lý	Dương Uyên	Nhi	9A6	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	BA
1363	Địa lý	Hồ Ngọc Tuyết	Nhi	9A1	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1364	Địa lý	Nguyễn Thị Phương	Ny	9/8	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1365	Địa lý	LÊ THỊ THUY	TRANG	9.1	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	BA
1366	Địa lý	Nguyễn Thị Thùy	Trang	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1367	Địa lý	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1368	Địa lý	Hoàng Nguyễn Anh	Tú	9/2	THCS Lê Văn Việt	THỦ ĐỨC	BA
1369	Địa lý	Nguyễn Hải	Duyên	9/2	THCS Minh Đức	QUẬN 1	BA
1370	Địa lý	Trần Cẩm	Ngân	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1371	Địa lý	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	9A2	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	BA
1372	Địa lý	Võ Thị Cẩm	Nhung	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1373	Địa lý	Mã Minh	Phước	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	BA
1374	Địa lý	Nguyễn Như	Quỳnh	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	BA
1375	Địa lý	Thái Như	Quỳnh	9/4	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
1376	Địa lý	ĐỖ THỊ THUY	TRANG	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	BA
1377	Địa lý	Vương Ngọc Minh	Trí	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
1378	Địa lý	Nguyễn Lê Anh	Tú	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1379	Địa lý	Nguyễn Ngọc	Xuân	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
1380	Địa lý	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	9A2	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	BA
1381	Địa lý	Đào Ý	Dương	9A4	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	BA
1382	Địa lý	Hà Anh	Duy	9/3	THCS Thị Trấn	HÓC MÔN	BA
1383	Địa lý	Huỳnh Tấn	Lộc	9A1	THCS Long Phước	QUẬN 9	BA
1384	Địa lý	Nguyễn Hà	My	9A6	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	BA
1385	Địa lý	Mã Hiếu	Nghi	9A5	THCS Nguyễn Đức Cảnh	QUẬN 6	BA
1386	Địa lý	Hoàng Gia Bảo	Ân	9.9	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	BA
1387	Địa lý	Nguyễn Quang Hoàng	Ân	9/3	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
1388	Địa lý	Trần Đặng Mỹ	Phương	9A2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
1389	Địa lý	Phan Thị Thảo	Quỳên	9A1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	BA
1390	Địa lý	Phạm Như	Quỳnh	9A1	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1391	Địa lý	Trịnh Huỳnh Bảo	Trân	9/3	THCS Minh Đức	QUẬN 1	BA
1392	Địa lý	Tạ Thị Thùy	Trang	9A2	THCS Tân Nhựt	BÌNH CHÁNH	BA
1393	Địa lý	Trần Lê Khánh	Tường	92	THCS Colette	QUẬN 3	BA
1394	Địa lý	Nguyễn Vũ Thanh	Tuyền	9A12	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1395	Địa lý	Lê Quân	Bảo	9A2	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	BA
1396	Địa lý	Lê Trí	Đạt	9A1	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	BA
1397	Địa lý	Lê Đặng Thùy	Dương	9A1	THCS Long Bình	QUẬN 9	BA
1398	Địa lý	Nguyễn Đặng Bảo	Giang	9/2	THCS Minh Đức	QUẬN 1	BA
1399	Địa lý	Nguyễn Thanh	Hiền	9A9	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
1400	Địa lý	Đieu Vũ	Hùng	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	BA
1401	Địa lý	Nguyễn Đình	Huy	9/13	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	BA
1402	Địa lý	Nguyễn Gia	Huy	9A2	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	BA
1403	Địa lý	Trương Ngọc Như	Khanh	9A9	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
1404	Địa lý	Lê Đoàn	Khánh	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		BA
1405	Địa lý	Nguyễn Trần Hữu	Khôi	9/6	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	BA
1406	Địa lý	Cao Xuân	Nga	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
1407	Địa lý	Trịnh Ngọc Linh	Nga	9A4	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	BA
1408	Địa lý	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	9/1	THCS Trần Phú	QUẬN 10	BA
1409	Địa lý	Phạm Trần Kim	Ngân	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
1410	Địa lý	Nguyễn Nhật Phương	Anh	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	BA
1411	Địa lý	Đặng Tiểu	Phụng	9/5	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	BA
1412	Địa lý	Trần Thị Mỹ	Tâm	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1413	Địa lý	Quách Trần Anh	Thư	9/9	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA

1414	Địa lý	Lê Phương	Trang	9/11	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	BA
1415	Địa lý	Bùi Thế	Vinh	9A13	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
1416	Địa lý	Trần Ngọc Thảo	Vy	9A6	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	BA
1417	Địa lý	Trần Thị Kim	Yến	9/3	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	BA
1418	Địa lý	PHẠM NGỌC	ÁNH	9/11	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	BA
1419	Địa lý	Diệp Thế Gia	Bảo	9A9	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
1420	Địa lý	Hứa Gia	Huệ	9A7	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1421	Địa lý	Chung Kiệt	Lâm	9/8	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
1422	Địa lý	Lê Kim	Ngân	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
1423	Địa lý	Võ Thành	Nhân	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	BA
1424	Tiếng Anh	Phạm Lâm Gia	Hân	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHẤT
1425	Tiếng Anh	Đỗ Trần Bảo	Hân	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1426	Tiếng Anh	Nguyễn Công Thái	Dương	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1427	Tiếng Anh	Nguyễn Nam Chí	Hiếu	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1428	Tiếng Anh	Lương Hoàng Thảo	Nguyên	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
1429	Tiếng Anh	Đặng Thảo	Hiên	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1430	Tiếng Anh	Hồ Đình Xuân	Khanh	9A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	NHẤT
1431	Tiếng Anh	Khuông Nhân	Kiệt	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1432	Tiếng Anh	Bùi Quốc	Khải	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1433	Tiếng Anh	Lê Phú Anh	Khang	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1434	Tiếng Anh	Lâm Tú	Nhi	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1435	Tiếng Anh	Phạm Ngô Khánh	Trang	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1436	Tiếng Anh	NGÔ HUY CÂN	DU	95	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
1437	Tiếng Anh	Dương Quốc	Khánh	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1438	Tiếng Anh	Trần Tiến	Đạt	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHẤT
1439	Tiếng Anh	Hoàng Đình Thục	Anh	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1440	Tiếng Anh	Trần Hoàng Minh	Châu	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1441	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Khánh	Hạ	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1442	Tiếng Anh	Tôn Thất Minh	Khôi	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1443	Tiếng Anh	Nguyễn Hưng	Thịnh	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1444	Tiếng Anh	Võ Xuân	An	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHẤT
1445	Tiếng Anh	Nguyễn Khuê Thảo	Anh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHẤT
1446	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	9/8	TH, THCS VÀ THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 1	NHẤT
1447	Tiếng Anh	Đào Minh	Khang	9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	NHẤT
1448	Tiếng Anh	Tổng Duy	Khang	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1449	Tiếng Anh	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	9/1	THCS Thạnh Mỹ Lợi	QUẬN 2	NHẤT
1450	Tiếng Anh	Võ Minh	Tiến	9.1	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	NHẤT
1451	Tiếng Anh	TRẦN PHƯƠNG	ANH	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHẤT
1452	Tiếng Anh	Phạm Ngô Hòa	Bình	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	NHẤT
1453	Tiếng Anh	Nguyễn Lê	Chí	9a9	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	NHẤT
1454	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Đặng	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHẤT
1455	Tiếng Anh	PHAN MINH	NHẤT	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
1456	Tiếng Anh	Hoàng Kim	Thanh	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHẤT
1457	Tiếng Anh	Đào Ngọc Quỳnh	Tiên	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHẤT
1458	Tiếng Anh	Lê Khắc	Viện	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHẤT
1459	Tiếng Anh	Dương Thái	An	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1460	Tiếng Anh	Alaska Khánh Linh	Holden	9A	Song ngữ Quốc tế Horizon	QUẬN 2	NHÌ
1461	Tiếng Anh	Trương Lê Anh	Huy	9A6	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	NHÌ
1462	Tiếng Anh	Nguyễn Anh	Khôi	9A	Song ngữ Quốc tế Horizon	QUẬN 2	NHÌ
1463	Tiếng Anh	Trần Minh	Quang	9.1	THCS Bình An	QUẬN 2	NHÌ
1464	Tiếng Anh	Lê Lan	Anh	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1465	Tiếng Anh	Trần Nguyễn Vân	Anh	9/10	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1466	Tiếng Anh	Lê Nguyễn Gia	Bảo	9A1	THCS Phú Lợi	QUẬN 8	NHÌ
1467	Tiếng Anh	NGUYỄN QUANG	ĐIỂN	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	NHÌ
1468	Tiếng Anh	Đình Quỳnh	Giang	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1469	Tiếng Anh	Phùng Nguyễn Bảo	Huy	9A1	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	NHÌ
1470	Tiếng Anh	Trần Minh	Huy	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1471	Tiếng Anh	Trần Phan Thế	Huy	9.5	THCS Bình An	QUẬN 2	NHÌ
1472	Tiếng Anh	Lư Khánh	Linh	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ

1473	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Mẫn	9A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	NHÌ
1474	Tiếng Anh	Võ Khánh Trúc	Quân	9A3	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	NHÌ
1475	Tiếng Anh	Nguyễn Quốc Anh	Thư	9/1	TH, THCS VÀ THPTQuốc tế Á Châu	QUẬN 3	NHÌ
1476	Tiếng Anh	Đình Huyền	Trần	9A1	THCS - THPT Ngôi Sao	BÌNH TÂN	NHÌ
1477	Tiếng Anh	Lê Anh	Tú	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	NHÌ
1478	Tiếng Anh	Trần Nguyễn Quang	Vinh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	NHÌ
1479	Tiếng Anh	Lê Minh	Huy	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
1480	Tiếng Anh	Trương Minh	Uyên	9A1	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	NHÌ
1481	Tiếng Anh	Lê Thị Hồng	Anh	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	NHÌ
1482	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	AnhQuân	9A2	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	NHÌ
1483	Tiếng Anh	Lê Viết	Bảo	9/9	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	NHÌ
1484	Tiếng Anh	Mạc Lê	Duy	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
1485	Tiếng Anh	Lê Trường	Giang	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1486	Tiếng Anh	Nguyễn Trung	Khải	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1487	Tiếng Anh	Ngô Hoàng Nhật	Minh	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
1488	Tiếng Anh	Nguyễn Hồng	Minh	91	THCS Rạng Đông	BÌNH THẠNH	NHÌ
1489	Tiếng Anh	Trịnh Quang	Minh	9/10	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1490	Tiếng Anh	Trần Hoàng	Nam	9/14	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	NHÌ
1491	Tiếng Anh	Trần Thanh	Sơn	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		NHÌ
1492	Tiếng Anh	Vũ Đức	Thành	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	NHÌ
1493	Tiếng Anh	Trần Hà	Thu	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	NHÌ
1494	Tiếng Anh	Phạm Nguyễn Minh	Triều	9/3	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	NHÌ
1495	Tiếng Anh	Nguyễn Phương Thảo	Vân	9A1	THCS - THPT Ngôi Sao	BÌNH TÂN	NHÌ
1496	Tiếng Anh	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Ái	9/2	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	NHÌ
1497	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Hoàng	9A1	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	NHÌ
1498	Tiếng Anh	Lê Thanh	Huy	9A7	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	NHÌ
1499	Tiếng Anh	Nguyễn Minh Yến	Linh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
1500	Tiếng Anh	Nguyễn Tấn	Tài	9/7	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1501	Tiếng Anh	Nguyễn Võ Uyên	Thi	9/13	TH, THCS VÀ THPTQuốc tế Á Châu	QUẬN 3	NHÌ
1502	Tiếng Anh	Trần Anh	Tuấn	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	NHÌ
1503	Tiếng Anh	Trịnh Ngọc	Các	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
1504	Tiếng Anh	Mai Thái	Dũng	9A1	THCS Độc Lập	PHÚ NHUẬN	NHÌ
1505	Tiếng Anh	Bùi Minh	Duy	9/6	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
1506	Tiếng Anh	Nguyễn Vũ Như	Hảo	9a8	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	NHÌ
1507	Tiếng Anh	Cao Nguyễn Huy	Hoàng	9/1	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	NHÌ
1508	Tiếng Anh	Trương Anh	Huy	9/4	TH, THCS VÀ THPTQuốc tế Á Châu	QUẬN 3	NHÌ
1509	Tiếng Anh	Khuất Thị Lan	Khanh	9/6	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
1510	Tiếng Anh	Lê Uy	Khiêm	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1511	Tiếng Anh	Nguyễn Hà Thụy	Khuê	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHÌ
1512	Tiếng Anh	Võ Anh	Minh	9A3	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 11	NHÌ
1513	Tiếng Anh	Trịnh Minh	Nghi	9A1	THCS - THPT Ngôi Sao	BÌNH TÂN	NHÌ
1514	Tiếng Anh	Phạm Thanh	Nghĩa	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	NHÌ
1515	Tiếng Anh	Phan Yến	Ngọc	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHÌ
1516	Tiếng Anh	Thân Trọng Thảo	Nguyên	92	THCS Colette	QUẬN 3	NHÌ
1517	Tiếng Anh	TÁNG THIÊN	NHẬT	94	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHÌ
1518	Tiếng Anh	Trần Đình Trúc	Nhi	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
1519	Tiếng Anh	LÂM HOÀNG	PHÁT	95	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHÌ
1520	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Quân	9/1	TH, THCS VÀ THPTQuốc tế Á Châu	QUẬN 3	NHÌ
1521	Tiếng Anh	Võ Trí	Quốc	9/11	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	NHÌ
1522	Tiếng Anh	Nguyễn Phương	Thuỳ	9/2	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
1523	Tiếng Anh	Nguyễn Quang	Tuấn	91	THCS Rạng Đông	BÌNH THẠNH	NHÌ
1524	Tiếng Anh	Mai Xuân	Viên	9/3	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	NHÌ
1525	Tiếng Anh	Hồ Huy	Vũ	9/1	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	NHÌ
1526	Tiếng Anh	Trần Nhật	Hạ	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1527	Tiếng Anh	Trần Nguyên	Khiêm	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	BA
1528	Tiếng Anh	Đình Hồng	Ngọc	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
1529	Tiếng Anh	Phan Bảo	Ngọc	9/2	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1530	Tiếng Anh	Cao Lê Yến	Nhi	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	BA
1531	Tiếng Anh	Phạm Ngọc Ý	Nhi	9/27	TH, THCS VÀ THPTQuốc tế Á Châu	QUẬN 10	BA

1532	Tiếng Anh	Đỗ Văn	Như	9A	Song ngữ Quốc tế Horizon	QUẬN 2	BA
1533	Tiếng Anh	Vũ Trần Kiều	Phan	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	BA
1534	Tiếng Anh	Phan Huỳnh Thiên	Phúc	9/8	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	BA
1535	Tiếng Anh	Lu Nhân	Quang	9/6	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1536	Tiếng Anh	Trương Thịnh Minh	Quang	9A9	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	BA
1537	Tiếng Anh	Nghiêm Thực	Vy	9A3	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	BA
1538	Tiếng Anh	Ngô Thiên	Bảo	9/1	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	BA
1539	Tiếng Anh	Vũ Thành	Danh	9A6	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
1540	Tiếng Anh	Phạm Nhật	Huy	9a1	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
1541	Tiếng Anh	Trần Nguyên	Khang	9A3	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	BA
1542	Tiếng Anh	Trịnh Nguyễn Anh	Khôi	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1543	Tiếng Anh	Nguyễn Kim Trúc	Linh	9A1	THCS - THPT Ngôi Sao	BÌNH TÂN	BA
1544	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
1545	Tiếng Anh	Lê Xuân Bảo	Lộc	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
1546	Tiếng Anh	Phan Hoàng Khánh	Minh	9/10	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1547	Tiếng Anh	ĐỖ NGUYỄN TRÀ	MY	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	BA
1548	Tiếng Anh	Nguyễn Tuệ	Nhi	9A2	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	BA
1549	Tiếng Anh	BUI NGUYỄN PHƯƠNG	PARICE	9.L1	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 2	BA
1550	Tiếng Anh	Huỳnh Tân	Phát	9A3	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1551	Tiếng Anh	Dương Nguyễn Anh	Quân	9A2	THCS Châu Văn Liêm	PHÚ NHUẬN	BA
1552	Tiếng Anh	Đào Nguyễn Xuân	Quỳnh	9A2	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	BA
1553	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC QUẾ	THANH	9a3	THCS Đa Phước	BÌNH CHÁNH	BA
1554	Tiếng Anh	Lê Phạm Minh	Thư	9A1	THPT Nam Sài Gòn	QUẬN 7	BA
1555	Tiếng Anh	Nguyễn Hữu Minh	Triết	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
1556	Tiếng Anh	Đặng Minh	Anh	9A13	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
1557	Tiếng Anh	Lê Trúc	Anh	9/8	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	BA
1558	Tiếng Anh	Tiêu Trí	Bằng	9A1	THCS Cửu Long	BÌNH THẠNH	BA
1559	Tiếng Anh	Nguyễn Yên	Đan	9A	THCS Việt Mỹ	QUẬN 11	BA
1560	Tiếng Anh	Nguyễn Lê Triều	Dương	9A3	THCS Đức Trí	QUẬN 1	BA
1561	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Duy	9B1	THCS - THPT Đức Trí	QUẬN 7	BA
1562	Tiếng Anh	Vũ Hoàng	Duy	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	BA
1563	Tiếng Anh	Nguyễn	GiaPhuong	9A1	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
1564	Tiếng Anh	Lê Đỗ Nhật	Hà	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1565	Tiếng Anh	Võ Minh	Hạnh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	BA
1566	Tiếng Anh	Hoàng Phi	Hào	9A4	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
1567	Tiếng Anh	Lương Hồng	Hoa	9/1	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	BA
1568	Tiếng Anh	Đặng Hữu	Hòa	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	BA
1569	Tiếng Anh	Huỳnh Võ Minh	Huy	9A8	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
1570	Tiếng Anh	Trần Quang	Khôi	9.2	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	BA
1571	Tiếng Anh	Ngô Hiều	Linh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	BA
1572	Tiếng Anh	TRIỆU	MÃN	92	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	BA
1573	Tiếng Anh	Vũ Giang Hoàng	Ngân	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	BA
1574	Tiếng Anh	Phạm Trần Đại	Nghĩa	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	BA
1575	Tiếng Anh	Lê	Nhi	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1576	Tiếng Anh	Ninh Đăng	Quang	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
1577	Tiếng Anh	Nguyễn Quang	Thuận	9/14	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	BA
1578	Tiếng Anh	Cao Lê Ngọc	Trâm	9TC1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
1579	Tiếng Anh	Nguyễn Huỳnh Nhã	Trang	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1580	Tiếng Anh	Nguyễn Huỳnh	Anh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1581	Tiếng Anh	Nguyễn Huỳnh Minh	Chi	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1582	Tiếng Anh	Nguyễn Thành	Đạt	9a10	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	BA
1583	Tiếng Anh	Đinh Hoàng	Dũng	9/20	TH, THCS VÀ THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 3	BA
1584	Tiếng Anh	Nguyễn Trường	Giang	9A1	THCS Tăng Bạt Hổ A	QUẬN 4	BA
1585	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Thu	Hằng	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	BA
1586	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Hoàng	9A7	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	BA
1587	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Hoàng	9.4	THCS Huỳnh Văn Nghệ	BÌNH TÂN	BA
1588	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc	Hương	9/2	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1589	Tiếng Anh	Hoàng Yên	Khoa	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1590	Tiếng Anh	Võ Hoàng	Lan	9/9	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA

1591	Tiếng Anh	Võ Hồ Bảo	Long	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
1592	Tiếng Anh	Hoàng Phương	Mỹ	9A4	THCS Thái Văn Lung	THỦ ĐỨC	BA
1593	Tiếng Anh	Đình Phúc	Thịnh	9/1	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	BA
1594	Tiếng Anh	Nguyễn Quang	Thông	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
1595	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Thư	9A6	THPT Lương Thế Vinh	QUẬN 1	BA
1596	Tiếng Anh	Đình Khắc Bá	Thuận	9/4	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	BA
1597	Tiếng Anh	Phan Thảo	Tiên	9A5	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
1598	Tiếng Anh	Nguyễn Hữu Minh	Trí	9B1	THCS - THPT Đức Trí	QUẬN 7	BA
1599	Tiếng Anh	Nguyễn Thành	Trung	9A1	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	BA
1600	Tiếng Anh	Đỗ Nguyễn Mỹ	Anh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	BA
1601	Tiếng Anh	Lê Trần Quỳnh	Anh	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1602	Tiếng Anh	Hoàng Minh	Châu	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1603	Tiếng Anh	Trần Hoàng Bảo	Hân	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	BA
1604	Tiếng Anh	Lại Thị Minh	Hằng	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	BA
1605	Tiếng Anh	Phạm Trương Doanh	Khang	9/4	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	BA
1606	Tiếng Anh	Thái Trí	Luân	9A6	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	BA
1607	Tiếng Anh	Phí Thị Bảo	Ngọc	9A5	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	BA
1608	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Nhiên	9/13	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	BA
1609	Tiếng Anh	NGUYỄN NHƯ	THÀNH	9/01	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	BA
1610	Tiếng Anh	Hồ Ngọc Minh	Thư	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	BA
1611	Tiếng Anh	Nguyễn Tấn	Toàn	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1612	Tiếng Anh	NGUYỄN LÊ NAM	TRÂN	9A3	THCS Trần Huy Liệu	PHÚ NHUẬN	BA
1613	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	9/2	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	BA
1614	Tiếng Anh	Lương Gia	Vy	9A6	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	BA
1615	Tiếng Anh	Nguyễn Gia Bảo	Anh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	BA
1616	Tiếng Anh	Nguyễn Tuấn	Anh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
1617	Tiếng Anh	Võ Ngọc Thái	Bảo	9A1	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	BA
1618	Tiếng Anh	NGUYỄN HOÀI VIỆT	CHƯƠNG	9.2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	BA
1619	Tiếng Anh	Nguyễn Hồng	Đào	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1620	Tiếng Anh	Võ Trí	Đức	9A2	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	BA
1621	Tiếng Anh	Khuông Hữu Anh	Duy	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1622	Tiếng Anh	Phạm Hồng	Giang	9A1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1623	Tiếng Anh	Lê Minh	Hà	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	BA
1624	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Kim	Hoa	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	BA
1625	Tiếng Anh	Đình Vương	Hoàng	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
1626	Tiếng Anh	Lưu Thanh	Hồng	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
1627	Tiếng Anh	Trịnh Quang	Hưng	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
1628	Tiếng Anh	Nguyễn Khánh Đăng	Khôi	9/8	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	BA
1629	Tiếng Anh	Nguyễn Hưng	Long	9A1	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1630	Tiếng Anh	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	NGÂN	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
1631	Tiếng Anh	Đặng Khang	Ninh	9A2	THCS Phú Lợi	QUẬN 8	BA
1632	Tiếng Anh	Lê Viễn	Phát	9/8	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	BA
1633	Tiếng Anh	Trần Ngọc Diễm	Quỳnh	9/7	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	BA
1634	Tiếng Anh	Trịnh Minh	Trí	9TH	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	BA
1635	Tiếng Pháp	Vũ Giáng	My	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	NHẤT
1636	Tiếng Pháp	Trần Ngọc Minh	Châu	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHẤT
1637	Tiếng Pháp	Nguyễn Song Đan	Thanh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	NHẤT
1638	Tiếng Pháp	Tôn Thất Tuấn	Anh	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	NHẤT
1639	Tiếng Pháp	Nguyễn Hữu Minh	Đăng	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	NHỊ
1640	Tiếng Pháp	Nguyễn Trọng	Hiếu	9P	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHỊ
1641	Tiếng Pháp	Trương Minh	Khánh	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHỊ
1642	Tiếng Pháp	Nguyễn Phúc Đăng	Huy	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHỊ
1643	Tiếng Pháp	Trần Lê Uyên	Hân	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	NHỊ
1644	Tiếng Pháp	Lê Cát Mỹ	Trân	9P2	THCS Colette	QUẬN 3	NHỊ
1645	Tiếng Pháp	Nguyễn Đỗ An	Khuông	9P	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHỊ
1646	Tiếng Pháp	Châu Bảo	Ngọc	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	NHỊ
1647	Tiếng Pháp	Đỗ Phan Hy	Trực	9P2	THCS Colette	QUẬN 3	NHỊ
1648	Tiếng Pháp	Lê Huỳnh Thanh	Bình	9P1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
1649	Tiếng Pháp	Lại Uyên	Nghi	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	BA

1650	Tiếng Pháp	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1651	Tiếng Pháp	Nguyễn Lê Minh	Uyên	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1652	Tiếng Pháp	Châu Ngọc Phương	Mai	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1653	Tiếng Pháp	Cổng Hoàng	Giáp	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1654	Tiếng Pháp	Phạm Như Thanh	Vy	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1655	Tiếng Pháp	Nguyễn Trịnh Khánh	My	9P	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
1656	Tiếng Pháp	Bùi Bá	Trung	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	BA
1657	Tiếng Pháp	Trần Quang	Vũ	9P1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	BA
1658	Tiếng Pháp	Trần Ngọc	Yên	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1659	Tiếng Pháp	Nguyễn Xuân Phương	Nhi	9P	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
1660	Tiếng Trun	Ku Yu	Hui	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	NHẤT
1661	Tiếng Trun	Dương Bội	Lâm	9/2	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	NHẤT
1662	Tiếng Trun	Lương Thúy	My	9A9	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	NHẤT
1663	Tiếng Trun	Tang Thuộc	Huệ	9A9	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	NHẤT
1664	Tiếng Trun	Quan Kiến	Tân	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHẤT
1665	Tiếng Trun	Tạ Tuấn	Hiền	9A5	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
1666	Tiếng Trun	Thái Huệ	Mẫn	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
1667	Tiếng Trun	Huỳnh Bảo	Trân	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
1668	Tiếng Trun	Lương Triển	Đạt	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	NHÌ
1669	Tiếng Trun	Diệp Vĩnh	Hân	9A5	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
1670	Tiếng Trun	Quan Tú	Hân	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	NHÌ
1671	Tiếng Trun	Vương Bình	Liêm	9A4	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	NHÌ
1672	Tiếng Trun	Lý Gia	Nhi	9A4	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	NHÌ
1673	Tiếng Trun	Hoàng Nhã	Thi	9A4	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	NHÌ
1674	Tiếng Trun	Trần Phôi	Thư	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	NHÌ
1675	Tiếng Trun	Triệu Mỹ	Vân	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	NHÌ
1676	Tiếng Trun	Chung Vãn	Khang	9A9	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	BA
1677	Tiếng Trun	Diệp Gia	Huệ	9/6	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	BA
1678	Tiếng Trun	Liêu Gia	Ấn	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	BA
1679	Tiếng Trun	Trần Oanh	Oanh	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	BA
1680	Tiếng Trun	Trần Thị Ngọc	Trân	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	BA
1681	Tiếng Trun	Đặng Vĩnh	Lâm	9/2	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	BA
1682	Tiếng Trun	Ngô Lương	Kiệt	9A9	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	BA
1683	Tiếng Trun	Dương Quý	Châu	9/5	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	BA
1684	Tiếng Trun	Vòng Bội	San	9A1	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	BA
1685	Tiếng Trun	Châu Mỹ	Dinh	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	BA
1686	Tiếng Trun	Ôn Hiếu	Tinh	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	QUẬN 6	BA
1687	Tiếng Trun	Lâm Truyền	Lập	9A3	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1688	Tiếng Trun	Trần Thành	Cơ	9/3	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	BA
1689	Tiếng Nhật	Hồ Ngọc Uyên	Thanh	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
1690	Tiếng Nhật	Lê Nguyễn Mỹ	Ngọc	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
1691	Tiếng Nhật	Yamashita Tri	Ấn	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHẤT
1692	Tiếng Nhật	Bùi Thúy	Quỳnh	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1693	Tiếng Nhật	Phạm Nguyễn Gia	Hung	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
1694	Tiếng Nhật	Nguyễn Mạnh	Kha	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
1695	Tiếng Nhật	Trương Huỳnh Phương	Trinh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
1696	Tiếng Nhật	Phạm Nguyễn Tường	Thụy	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1697	Tiếng Nhật	Võ Tuyết	Anh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	NHÌ
1698	Tiếng Nhật	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1699	Tiếng Nhật	Lưu Phan Cát	Tường	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
1700	Tiếng Nhật	Lê Ngọc Bảo	Anh	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1701	Tiếng Nhật	Trịnh Phương Mai	Duyên	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1702	Tiếng Nhật	Phạm Ngọc Phương	Quỳnh	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1703	Tiếng Nhật	Trần Thiên	Phú	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1704	Tiếng Nhật	Phan Trần Minh	Tâm	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1705	Tiếng Nhật	Lê Trần Minh	Thư	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1706	Tiếng Nhật	Phan Yến	Nhi	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1707	C. NGHE	Nguyễn Gia	Nguyên	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHẤT
1708	C. NGHE	Đoàn Quốc	Hung	9/3	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	NHẤT

1709	C. NGHE	Nguyễn Tuấn	Anh	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	NHẤT
1710	C. NGHE	Đặng Hoàng	Quân	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHẤT
1711	C. NGHE	Nguyễn Minh	Trung	9/2	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	NHẤT
1712	C. NGHE	Nguyễn Trần Đức	Huy	9A9	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
1713	C. NGHE	Đinh Trần Gia	Hy	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	NHẤT
1714	C. NGHE	LÝ ANH	TÚ	9A3	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	NHẤT
1715	C. NGHE	Trần Bá	Cường	9/2	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	NHẤT
1716	C. NGHE	Võ Duy	Cường	9A9	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
1717	C. NGHE	Phan Thành	Đại	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	NHẤT
1718	C. NGHE	Nguyễn Lý Phi	Long	9/2	THCS Phú Định	QUẬN 6	NHẤT
1719	C. NGHE	LÊ ĐÀO MINH	KHÔI	9A5	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHẤT
1720	C. NGHE	Nguyễn Phạm Thái	Dương	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHẤT
1721	C. NGHE	Lê Trường	Giang	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	NHẤT
1722	C. NGHE	Võ Hoàng Thủy	Tiên	9A9	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
1723	C. NGHE	Phạm Nguyễn Hoàng	Duy	9a2	THCS Bình Quới Tây	BÌNH THẠNH	NHẤT
1724	C. NGHE	Nguyễn Thanh	Trí	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHẤT
1725	C. NGHE	Nguyễn Phúc Nguyên	Khang	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHẤT
1726	C. NGHE	TRẦN MINH	TRÍ	9A2	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1727	C. NGHE	Đoàn Nguyễn Ngọc	Tú	9/5	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	NHÌ
1728	C. NGHE	Nguyễn Trần Tinh	Anh	9/7	THCS Lý Tự Trọng	GÒ VẤP	NHÌ
1729	C. NGHE	Bùi Tấn	Phát	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHÌ
1730	C. NGHE	Nguyễn Lê Nhật	Lê	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	NHÌ
1731	C. NGHE	Nguyễn Như	Ý	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	NHÌ
1732	C. NGHE	Tạ Gia	Bảo	9A4	THCS Cù Chính Lan	BÌNH THẠNH	NHÌ
1733	C. NGHE	PHAN KHÁNH	DUY	9A6	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1734	C. NGHE	Trần Nguyễn Vũ	Hoàng	9/2	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1735	C. NGHE	Hách Lâm Bảo	Ngọc	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	NHÌ
1736	C. NGHE	Nguyễn Chí	Thanh	9A9	THCS Bình Đông	QUẬN 8	NHÌ
1737	C. NGHE	Quang Tấn	Nghĩa	9/9	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	NHÌ
1738	C. NGHE	ĐỖ MINH	TÂM	9.2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	NHÌ
1739	C. NGHE	Ngô Gia	Huy	9/3	THCS Trung An	CỦ CHI	NHÌ
1740	C. NGHE	Nguyễn Ích	Kiệt	9A6	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	NHÌ
1741	C. NGHE	Trần Tuấn	Anh	9TC	THCS Bình An	QUẬN 8	NHÌ
1742	C. NGHE	Trần Nguyễn Gia	Huy	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	NHÌ
1743	C. NGHE	Lê Nguyễn Hạnh	Như	9A3	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	NHÌ
1744	C. NGHE	Trần Ngọc Thúy	Quyền	9/8	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1745	C. NGHE	ĐOÀN QUỐC	THẮNG	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	QUẬN 2	NHÌ
1746	C. NGHE	Nguyễn Lê Thanh	Hải	9/9	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
1747	C. NGHE	Nguyễn Tấn	Huy	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1748	C. NGHE	Trần	Kha	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	NHÌ
1749	C. NGHE	Trần Hoàng	Long	9/9	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	NHÌ
1750	C. NGHE	Nguyễn Hoàng	Phát	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	NHÌ
1751	C. NGHE	Nguyễn Tường	Vân	9A2	THCS Châu Văn Liêm	PHÚ NHUẬN	NHÌ
1752	C. NGHE	Nguyễn Thành	Nhân	9/3	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1753	C. NGHE	Bùi Quốc	Việt	9/2	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	NHÌ
1754	C. NGHE	Võ Thành	Đạt	9A1	THCS Tân An Hội	CỦ CHI	NHÌ
1755	C. NGHE	Trang Gia	Bảo	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	NHÌ
1756	C. NGHE	Đồng Thành Minh	Trí	9A1	THCS Văn Lang	QUẬN 1	NHÌ
1757	C. NGHE	Đặng Quốc	Hưng	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	NHÌ
1758	C. NGHE	Khúc Trần Thanh	Nhã	9/6	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	NHÌ
1759	C. NGHE	Hồ Đông	Dương	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHÌ
1760	C. NGHE	Lý Văn	Long	9A5	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	NHÌ
1761	C. NGHE	Đặng Trung	Hảo	9/3	THCS Phú Định	QUẬN 6	NHÌ
1762	C. NGHE	Trần Ngọc Bảo	Khánh	9A3	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	NHÌ
1763	C. NGHE	Khúc	Minh	9A4	THCS Long Trường	QUẬN 9	NHÌ
1764	C. NGHE	Lê Hoàng	Mai	9A5	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	BA
1765	C. NGHE	Võ Nguyễn Tường	Vy	9A7	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
1766	C. NGHE	Lại Hoàng Đức	Khải	9A4	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	BA
1767	C. NGHE	Đặng Quang	Phú	9A4	THCS Long Trường	QUẬN 9	BA

1768	C. NGHE	Phạm Nguyễn Tú	Trinh	9/1	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	BA
1769	C. NGHE	Phạm Lê Thanh	Trọng	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1770	C. NGHE	Lê Trung	Tín	9/3	THCS Phú Định	QUẬN 6	BA
1771	C. NGHE	Trịnh Đỗ Thiên	Hằng	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	BA
1772	C. NGHE	Trần Quốc	Long	9A3	THCS Nguyễn Đức Cảnh	QUẬN 6	BA
1773	C. NGHE	Nguyễn Đình	Long	9A7	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
1774	C. NGHE	Trần Trọng	Nghĩa	9.1	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
1775	C. NGHE	Nguyễn Trần Uyên	Nhi	9A12	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1776	C. NGHE	Nguyễn Hưng	Thịnh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
1777	C. NGHE	Võ Minh	Trung	9.9	THCS An Lạc	BÌNH TÂN	BA
1778	C. NGHE	Trịnh Trọng	Vĩnh	9A5	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	BA
1779	C. NGHE	Phan Đăng	Phúc	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	BA
1780	C. NGHE	Vũ Nguyễn Hải	Nam	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1781	C. NGHE	Giang Trọng	Tín	9/2	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	BA
1782	C. NGHE	Trần Thị	Tuyết	9A3	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	BA
1783	C. NGHE	Trương Thiên	Bảo	9/9	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	BA
1784	C. NGHE	Nông Hải	Lâm	9A5	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	BA
1785	C. NGHE	Đinh Thiên	Huy	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	BA
1786	C. NGHE	Hồ Ngọc Thanh	Uyên	9A3	THCS Chi Lăng	QUẬN 4	BA
1787	C. NGHE	Tăng Uyên	Kim	9A4	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	BA
1788	C. NGHE	Nguyễn Trương Đức	Tài	9A2	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
1789	C. NGHE	Trương Thị Minh	Như	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1790	C. NGHE	Phan Kim Gia	Bảo	9/4	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	BA
1791	C. NGHE	Nguyễn Kiều Nguyệt	Nga	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	BA
1792	C. NGHE	Nguyễn Phước Trí	Tài	9/7	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	BA
1793	C. NGHE	Nguyễn Văn Thanh	Tú	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	BA
1794	C. NGHE	Trịnh Bá Hoàng	Quân	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	BA
1795	C. NGHE	Chung Cảnh	Tài	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	BA
1796	C. NGHE	Nguyễn Hiếu	Trí	9/3	THCS Phú Định	QUẬN 6	BA
1797	C. NGHE	Lê Khánh	Giang	9A12	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1798	C. NGHE	Nguyễn Thanh	An	9A2	THCS Văn Lang	QUẬN 1	BA
1799	C. NGHE	Phạm Như	Thân	9A2	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	BA
1800	C. NGHE	Võ Huy	Hoàng	9A1	THCS Cù Chính Lan	BÌNH THẠNH	BA
1801	C. NGHE	Huỳnh Nhật Hoài	Trung	9A4	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	BA
1802	C. NGHE	Phan Võ Bảo	Hân	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
1803	C. NGHE	Nguyễn Minh Phương	Lâm	9/8	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	BA
1804	C. NGHE	Hứa Gia	Mẫn	9A18	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
1805	C. NGHE	Phan Thanh	Sang	9A1	THCS Hưng Bình	QUẬN 9	BA
1806	C. NGHE	Nguyễn Lê	Tân	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	BA
1807	C. NGHE	Nguyễn Tuấn Mạnh	Đức	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	BA
1808	C. NGHE	Trần Đăng	Khoa	9/9	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1809	C. NGHE	Nguyễn Hồng Thanh	Nghi	9A2	THCS Văn Thân	QUẬN 6	BA
1810	C. NGHE	Đinh Quốc	Bảo	9A8	THCS Bình Đông	QUẬN 8	BA
1811	C. NGHE	Nguyễn Trường	Long	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	BA
1812	C. NGHE	Nguyễn Trúc	Mai	9A2	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	BA
1813	C. NGHE	Lê Nguyên	Phương	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	BA
1814	C. NGHE	Lương Chu	Dâng	9A4	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	BA
1815	C. NGHE	Nguyễn Đăng Ngọc	Bảo	9/3	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1816	C. NGHE	Lương Thanh	Duy	9A10	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1817	C. NGHE	Nguyễn Hoàng	Khang	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	BA
1818	C. NGHE	Phan Quang	Sang	9/8	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	BA
1819	C. NGHE	Cao Thị Bảo	Khánh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	BA
1820	C. NGHE	Phan Thanh	Trọng	9A4	THCS Lý Phong	QUẬN 5	BA
1821	C. NGHE	Nguyễn Phạm Thanh	Tuyền	9A2	THCS Đức Trí	QUẬN 1	BA
1822	KHTN	Cao Bảo	Khôi	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
1823	KHTN	TỬ NGỌC	BÌNH	95	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	NHẤT
1824	KHTN	Phạm Trương Ngọc	Di	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHẤT
1825	KHTN	Nguyễn Sơn	Tùng	9/2	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	NHẤT
1826	KHTN	Thái Võ Huỳnh Mai	Anh	9A13	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	NHẤT

1827	KHTN	Nguyễn Nhật Hoài	Nhân	9/12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	NHẤT
1828	KHTN	Trương Hữu	Tài	9/5	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	NHẤT
1829	KHTN	Lê Trần Nguyên	Trân	9/14	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	NHẤT
1830	KHTN	Đinh Đăng Tiến	Đạt	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	NHẤT
1831	KHTN	Lê Hồ Minh	Hiền	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	NHẤT
1832	KHTN	Đào Trần Phương	Dung	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	NHẤT
1833	KHTN	Dương Ngọc Minh	Thư	9A9	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	NHẤT
1834	KHTN	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	NHẤT
1835	KHTN	Nguyễn Hoàng	Duy	9/8	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	NHẤT
1836	KHTN	Võ Minh	Duy	9/10	THCS Ba Đình	QUẬN 5	NHẤT
1837	KHTN	Lưu Lập	Gia	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHẤT
1838	KHTN	Nguyễn Thế	Mãnh	9A2	THCS Đồng Khởi	QUẬN 1	NHẤT
1839	KHTN	Lê Nguyễn Thiện	Nhân	9.S2	TH - THCS - THPT Việt Úc	QUẬN 7	NHẤT
1840	KHTN	Đoàn Lê Nam	Phương	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHẤT
1841	KHTN	Nguyễn Kim	Cường	9A5	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	NHÌ
1842	KHTN	Hoàng Lê Đông	Hải	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	NHÌ
1843	KHTN	Lê Minh	Nguyên	9/4	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	NHÌ
1844	KHTN	Trương Tổng Minh	Quân	9/8	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	NHÌ
1845	KHTN	Phan Lê Kiều	Tâm	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	NHÌ
1846	KHTN	Hồ Nguyễn Tuấn	Anh	9A5	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	NHÌ
1847	KHTN	Lê Mạnh	Cường	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	NHÌ
1848	KHTN	TRẦN GIAI	NGHIÊM	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	NHÌ
1849	KHTN	Đặng Nam	Thắng	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
1850	KHTN	Nguyễn Lê Anh	Thư	9A8	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	NHÌ
1851	KHTN	Nguyễn Thế	Bảo	9/3	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	NHÌ
1852	KHTN	Ong Gia	Bội	9A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	NHÌ
1853	KHTN	Lê Thị Hồng	Hạnh	9A7	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	NHÌ
1854	KHTN	Tân Hải	Đạt	9A5	THCS Long Bình	QUẬN 9	NHÌ
1855	KHTN	Dương Xuân Quỳnh	Ngân	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHÌ
1856	KHTN	NGUYỄN HUỆ	TÂM	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1857	KHTN	Huỳnh Ngọc	Văn	9/4	THCS Bình Tây	QUẬN 6	NHÌ
1858	KHTN	Trương Vũ Xuân	Ánh	9/8	THCS Trần Phú	QUẬN 10	NHÌ
1859	KHTN	Lê Thụy Ngọc	Châu	9A7	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
1860	KHTN	Trần Gia	Huy	9A8	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	NHÌ
1861	KHTN	Ngân Hoàng	Khang	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
1862	KHTN	Trần Ngọc Bảo	Thy	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	NHÌ
1863	KHTN	Nguyễn Ngọc	Hà	9/1	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	NHÌ
1864	KHTN	Huỳnh Nguyên	Nguyên	9/6	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	NHÌ
1865	KHTN	Hoàng Văn	Tấn	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	NHÌ
1866	KHTN	Nguyễn Thị Minh	Thư	9/5	THCS Phú Định	QUẬN 6	NHÌ
1867	KHTN	Nguyễn Mạnh	Hung	9/10	THCS Ba Đình	QUẬN 5	NHÌ
1868	KHTN	Thái Thuý	Ngân	9/2	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	NHÌ
1869	KHTN	Hoàng Phương Cát	Ngọc	9A5	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	NHÌ
1870	KHTN	Phạm Trương Kim	Di	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1871	KHTN	Trương Mậu	Điền	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	BA
1872	KHTN	HUỲNH NGỌC THUY	DƯƠNG	9a2	THCS Đa Phước	BÌNH CHÁNH	BA
1873	KHTN	Lâm Xuân	Hiếu	9/4	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	BA
1874	KHTN	Đặng Quốc	Hoàn	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1875	KHTN	Nguyễn Minh	Hoàng	9A15	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	BA
1876	KHTN	Võ Lê Đức	Huy	9A4	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	BA
1877	KHTN	Nguyễn Quang	Khánh	9AT3	THCS Nguyễn An Khương	HỐC MÔN	BA
1878	KHTN	Nguyễn Phùng Tuyết	Nhung	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	BA
1879	KHTN	Vũ Ngọc Tuyết	Nhung	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	BA
1880	KHTN	Sang Sỹ	Tiếng	9/1	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	BA
1881	KHTN	Đoàn Phạm Yến	Vy	9A8	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1882	KHTN	Nguyễn Trọng Thiên	Bảo	9/5	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	BA
1883	KHTN	Trần Minh	Đạo	9.1	THCS Phước Bình	QUẬN 9	BA
1884	KHTN	Phạm Minh	Hoàng	9A6	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	BA
1885	KHTN	ĐẶNG HOÀNG	NGÂN	92	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA

1886	KHTN	Nguyễn	NgọcThiện	9A13	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
1887	KHTN	Trần Ngọc Phương	Uyên	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	BA
1888	KHTN	Trần Võ Mỹ	An	9A6	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	BA
1889	KHTN	Nguyễn Duy	Anh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	BA
1890	KHTN	Đặng Thuý	Hằng	9/9	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	BA
1891	KHTN	Phạm Gia	Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1892	KHTN	Hồ Ngọc Kim	Ngân	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
1893	KHTN	Trần Lê Quỳnh	Như	9/10	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	BA
1894	KHTN	Nguyễn Song Thiên	Phúc	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	BA
1895	KHTN	Nguyễn Trần Minh	Phúc	9A7	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	BA
1896	KHTN	Trần Thị Mỹ	Tâm	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
1897	KHTN	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	BA
1898	KHTN	Trần Thị Thiên	Thư	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA
1899	KHTN	Hồ Ngọc Kim	Khánh	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
1900	KHTN	Nguyễn Minh	Khôi	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	BA
1901	KHTN	Đỗ Nguyễn Minh	Kiệt	9A6	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	BA
1902	KHTN	Nguyễn Tấn	Lộc	9/1	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	BA
1903	KHTN	Nguyễn Hồ Hải	Nam	9A2	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	BA
1904	KHTN	Lư Kim	Ngọc	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	BA
1905	KHTN	Phạm Đỗ Minh	Quân	9/4	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	BA
1906	KHTN	Lâm Gia	Thuận	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	BA
1907	KHTN	Nguyễn Hùng	Thuận	9A1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	BA
1908	KHTN	Nguyễn Thanh	Tiến	9.2	THCS Lý Thường Kiệt	TÂN BÌNH	BA
1909	KHTN	Phạm Hồng	Ân	9/4	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	BA
1910	KHTN	Võ Nguyễn Văn	Anh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	BA
1911	KHTN	Đồng Thành	Đức	9/8	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	BA
1912	KHTN	Lê Phan Hiếu	Hạnh	9/1	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	BA
1913	KHTN	Nguyễn Văn	Hùng	9/9	THCS Lam Sơn	BÌNH THẠNH	BA
1914	KHTN	Trần Hồng Bích	Ngọc	9A4	THCS Thái Văn Lung	THỦ ĐỨC	BA
1915	KHTN	Dương Đào	NhậtMinh	9A2	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	BA
1916	KHTN	Lê Nguyễn Phương	Thy	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	BA
1917	KHTN	Nguyễn Dương Nhã	Trúc	9/4	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	BA
1918	KHTN	Hồ Ngọc Yến	Vy	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	BA
1919	TNKH	Huỳnh Đăng	Khoa	9/4	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	NHẤT
1920	TNKH	Nguyễn Hà Minh	Nhật	9/4	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	NHẤT
1921	TNKH	Lương Nguyễn Ngọc	Châu	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHẤT
1922	TNKH	Nguyễn Công	Huy	9/7	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	NHẤT
1923	TNKH	Bùi Trâm	Anh	91	THCS Colette	QUẬN 3	NHẤT
1924	TNKH	Trần Thanh Huỳnh	Mai	91	THCS Colette	QUẬN 3	NHẤT
1925	TNKH	Nguyễn Phạm Minh	Khánh	9/2	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	NHẤT
1926	TNKH	Nguyễn Minh	Quang	9/2	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	NHẤT
1927	TNKH	Nguyễn Ngọc	Ánh	9/1	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	NHẤT
1928	TNKH	Nguyễn Thanh	Ngân	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	NHẤT
1929	TNKH	Lê Mai Bảo	Linh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1930	TNKH	Nguyễn Minh	Nhật	9/1	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	NHÌ
1931	TNKH	Trần Ngọc Minh	Khánh	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1932	TNKH	Trương Minh Khánh	Ngọc	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1933	TNKH	Hà Quỳnh	Anh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1934	TNKH	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	NHÌ
1935	TNKH	Lâm Hoàng	Hà	9TC3	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
1936	TNKH	Trần Lâm Phương	Nhi	9TC3	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	NHÌ
1937	TNKH	Trần Hoàng	Dũng	9/1	THCS Đặng Công Bình	HÓC MÔN	NHÌ
1938	TNKH	Dương Hoàng	Phúc	9/4	THCS Đặng Công Bình	HÓC MÔN	NHÌ
1939	TNKH	Kiều Minh	Hùng	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1940	TNKH	Phan Nhật Khánh	Vy	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	NHÌ
1941	TNKH	Nguyễn Thiên	Phúc	9/6	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	NHÌ
1942	TNKH	Nguyễn Trường	Thịnh	9/6	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	NHÌ
1943	TNKH	Hà Gia	Bảo	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ
1944	TNKH	Nguyễn Đặng Minh	Đức	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	NHÌ

1945	TNKH	HOÀNG QUANG	DƯƠNG	9A6	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1946	TNKH	HUỖNH NHẬT	HÀO	9A1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	NHÌ
1947	TNKH	Phạm Thị Minh	Tú	9/3	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	BA
1948	TNKH	Nguyễn Duy	Nam	9A7	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	BA
1949	TNKH	Trần Quốc	Khải	9A7	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	BA
1950	TNKH	Đặng Hải	Long	9A2	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	BA
1951	TNKH	Trần Huy	Hưng	9/13	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
1952	TNKH	Đỗ Mỹ	Quyên	9/1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	BA
1953	TNKH	NGUYỄN HUỖNH AN	KHÁNH	9.5	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	BA
1954	TNKH	TRƯƠNG THUẬN	NHIÊN	9.4	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	BA
1955	TNKH	Bùi Lê Quỳnh	Nhi	9A10	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	BA
1956	TNKH	Trần Quế	Trân	9A10	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	BA
1957	TNKH	Trần Lê	Hoàng	9A10	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
1958	TNKH	Võ Nguyễn Hồng	Phúc	9A10	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	BA
1959	TNKH	Lê Vũ Xuân	Anh	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1960	TNKH	Trần Hoàng Anh	Thư	9A12	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	BA
1961	TNKH	Phan Ngọc Châu	Anh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1962	TNKH	Đặng Lê Ánh	Nhi	9_16	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	BA
1963	TNKH	Nguyễn Phương Cẩm	Tiên	9A11	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
1964	TNKH	Sú Quang	Tuấn	9A11	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	BA
1965	TNKH	LÝ THUẬN	HÀO	92	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
1966	TNKH	THÁI MINH	SANG	92	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	BA
1967	TNKH	Nguyễn Hoàng Thiên	An	9A2	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1968	TNKH	Nguyễn Ngọc	Anh	9A2	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1969	TNKH	Nguyễn Gia	Bảo	9/3	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	BA
1970	TNKH	Trần Đình Quý	Nhân	9/6	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	BA
1971	TNKH	Hoàng Đắc	Nghi	9A1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1972	TNKH	Đình Minh	Phú	9A1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	BA
1973	TNKH	Hà Thị Tuyết	Mai	9.6	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	BA
1974	TNKH	Nguyễn Minh	Tâm	9.3	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	BA

Tổng cộng có 1974 học sinh đạt giải.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu